

BÀI 1

NHỮNG SẮC ĐIỆU THI CA (THƠ CỔ ĐIỂN VÀ LÃNG MẠN) (9 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 5,5 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 0,5 tiết)

Tiết : ĐỌC VĂN BẢN 1: HOÀNG HẠC LÂU (LÂU HOÀNG HẠC)

(Thời gian: 02 tiết)

GV soạn: PHẠM THỊ HỒNG PHƯƠNG

Trường: THPT MỸ LẠC (Thủ Thừa - Long An)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Đặc điểm thơ cổ điển và lãng mạn.

2. Về năng lực

2.1. Về năng lực chung

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

– Năng lực tự chủ và tự học: Hoàn thành được những nhiệm vụ được giao khi thực hiện các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

2.2. Về năng lực đặc thù

– Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các tác phẩm thơ trữ tình tiêu biểu.

– Biết đánh giá, phê bình văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.

– Vận dụng được kiến thức về lịch sử văn học và kỹ năng tra cứu để sắp xếp một số tác phẩm, tác giả lớn theo tiến trình lịch sử văn học; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.

3. Về phẩm chất

Tôn trọng sự khác biệt trong phong cách cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, tivi,..

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>TIẾT 1</p> <p>1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG</p> <p>a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.</p> <p>b. Nội dung:</p> <p>(1) GV chiếu một vài hình ảnh (lầu Hoàng Hạc, bức tranh mùa thu có hình ảnh “con nai vàng ngơ ngác”,...) hoặc trình chiếu/ gọi nhắc tên một số bài thơ HS đã học ở các cấp lớp trước như: <i>Nam quốc sơn hà</i>, <i>Qua Đèo Ngang</i>, <i>Chiều xuân</i>, <i>Thơ duyên</i>,... Sau đó, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Bức tranh hoặc tên các bài thơ đó gợi cho em liên tưởng gì đến tên chủ điểm bài học?</p> <p>(2) HS đọc lướt nội dung phần <i>Đọc</i> (SGK, tr. 9 – 19) và trả lời câu hỏi: Nhiệm vụ HT chính của các em về <i>Đọc</i> ở bài học này là gì?</p> <p>c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>(1) GV chiếu một vài hình ảnh (lầu Hoàng Hạc, bức tranh mùa thu có hình ảnh “con nai vàng ngơ ngác”,...) hoặc trình chiếu/ gọi nhắc tên một số bài thơ HS đã học ở các cấp lớp trước như: <i>Nam quốc sơn hà</i>, <i>Qua Đèo Ngang</i>, <i>Chiều xuân</i>, <i>Thơ duyên</i>,... Sau đó, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Bức tranh hoặc tên các bài thơ đó gợi cho em liên tưởng gì đến tên chủ điểm bài học?</p> <p>(2) HS đọc lướt nội dung phần <i>Đọc</i> (SGK, tr. 9 – 19) và trả lời câu hỏi: Nhiệm vụ HT chính của các em về <i>Đọc</i> ở bài học này là gì?</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ tìm câu trả lời.</p> <p>Bước 3. Báo cáo thảo luận: HS cử đại diện lên bảng viết câu trả lời.</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời của HS, sau đó chốt lại tên chủ điểm, thể loại chính, câu hỏi lớn của bài học và tóm tắt nhiệm vụ HT của phần <i>Đọc</i>: đọc VB 1 (<i>Hoàng Hạc lầu</i>) và VB 2 (<i>Tràng Giang</i>) để hình thành kỹ năng đọc <i>thơ cổ điển và lãng mạn</i>, đọc VB 3 (<i>Xuân Diệu</i>) để tìm hiểu thêm về chủ điểm của bài học; đọc VB 4 (<i>Tiếng thu</i>) để thực hành kỹ năng đọc <i>thơ lãng mạn</i>.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.
<p>2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC</p> <p>1. Hoạt động tìm hiểu <i>Tri thức Ngữ văn</i></p> <p>1.1. Tìm hiểu phong cách cổ điển và phong cách lãng mạn</p> <p>a. Mục tiêu: Bước đầu nhận biết được những nét cơ bản về phong cách, phong cách cổ điển và phong cách lãng mạn.</p> <p>b. Sản phẩm: Thông tin điền vào PHT.</p> <p>c. Tổ chức thực hiện:</p>	

Hoạt động hình thành kiến thức/ Ôn lại kiến thức

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: Nhóm 2 – 3 HS thực hiện nhiệm vụ HT theo mẫu phiếu HT.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Đại diện 3 – 4 nhóm HS trình bày kết quả. Các nhóm khác bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét sản phẩm HT của HS, kết hợp với việc phân tích một số ví dụ từ VB 1 và 2 để HS hiểu khái niệm *phong cách, phong cách cổ điển, phong cách lãng mạn*.

Lưu ý: Trong quá trình đọc hiểu các VB 1, 2, 4, GV nên hướng dẫn HS đọc lại *Tri thức đọc hiểu* để hiểu rõ hơn các khái niệm *phong cách, phong cách cổ điển, lãng mạn*.

PHIẾU HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU**PHONG CÁCH CỔ ĐIỂN VÀ PHONG CÁCH LÃNG MẠN**

Đọc nội dung về *phong cách, phong cách cổ điển* và *phong cách lãng mạn* (SGK, tr. 9 – 10), tìm các từ khoá và điền vào chỗ trống:

1. Phong cách là:.....

.....

2. Phong cách được tạo thành từ:

Thể hiện qua: (1); (2); (3)

(4)

3. Hoàn thành bảng tóm tắt sau:

ĐẶC ĐIỂM CỦA PHONG CÁCH CỔ ĐIỂN**VÀ PHONG CÁCH LÃNG MẠN**

	Phong cách cổ điển	Phong cách lãng mạn
Về nội dung		
Về hình thức		

1.2. Tìm hiểu Lịch sử/ tiến trình lịch sử văn học

a. Mục tiêu: Bước đầu nhận biết được đôi nét cơ bản về Lịch sử/ tiến trình lịch sử v Văn học.

b. Sản phẩm: Câu trả lời miệng, sơ đồ của HS.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ HT:* Nhóm 2 HS đọc mục *Lịch sử/ tiến trình lịch sử văn học* (SGK, tr. 10) theo nhóm đôi và thực hiện các nhiệm vụ sau:

- (1) Tóm tắt thế nào là “Lịch sử/ tiến trình văn học”.
- (2) Hoàn thành sơ đồ tóm tắt về lịch sử văn học viết Việt Nam:



- (3) Điền thông tin thích hợp vào bảng sau:

Tên tác phẩm, tác giả	Phong cách	Thời kì văn học (trung đại/ hiện đại)
<i>Chiều xuân</i> (Anh Thơ)		
<i>Hương Sơn phong cảnh ca</i> (Chu Mạnh Trinh)		
<i>Nắng đã hanh rồi</i> (Vũ Quần Phương)		
<i>Chiếc lá đầu tiên</i> (Hoàng Nhuận Cầm)		
<i>Nam quốc sơn hà</i> (Lý Thường Kiệt)		

* *Thực hiện nhiệm vụ HT:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.

* *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 3 – 4 nhóm HS trình bày kết quả. Các nhóm khác bổ sung.

* *Kết luận, nhận định:*

- (1), (2): GV nhận xét sản phẩm HT của HS, diễn giải kiến thức dựa vào SGK.
- (3) GV trình chiếu bảng sau:

Tên tác phẩm, tác giả	Phong cách	Thời kì văn học (trung đại/ hiện đại)
<i>Chiều xuân</i> (Anh Thơ)	Lãng mạn	Hiện đại
<i>Hương Sơn phong cảnh ca</i> (Chu Mạnh Trinh)	Cổ điển	Trung đại
<i>Nắng đã hanh rồi</i> (Vũ Quần Phương)	Lãng mạn	Hiện đại
<i>Chiếc lá đầu tiên</i> (Hoàng Nhuận Cầm)	Lãng mạn	Hiện đại
<i>Nam quốc sơn hà</i> (Lý Thường Kiệt)	Cổ điển	Trung đại

2. Hoạt động đọc văn bản *Hoàng Hạc lâu (Lầu Hoàng Hạc)*

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến VB; tạo tâm thế trước khi đọc.

b. Sản phẩm: Nội dung trả lời miệng của HS ở giai đoạn *Trước khi đọc*.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ HT:* Nhóm 2 HS trao đổi về nhiệm vụ ở phần *Trước khi đọc* (SGK, tr. 11).

* *Thực hiện nhiệm vụ HT:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.

* *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.

* *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, tổng kết câu trả lời *Trước khi đọc*. Trên cơ sở đó, GV dẫn dắt vào bài học.

Lưu ý: Có ba điểm quan trọng mà GV nên gợi ý hoặc bổ sung cho HS, nếu HS chưa tìm hiểu được:

– Thứ nhất, lầu Hoàng Hạc được xây dựng lần đầu tiên từ thời Tam Quốc, đến nay đã nhiều lần được xây cất lại, mỗi lần xây cất lại cao hơn, nhiều tầng hơn và mang đặc trưng kiến trúc của từng thời đại khác nhau.

– Thứ hai, Hoàng Hạc lâu không chỉ là cảm hứng sáng tác của các thi nhân Trung Hoa, mà còn của cả các sứ thần nước Nam (xem bài viết *Hoàng Hạc lâu qua thi ca các sứ thần nước Nam* của TS. Phạm Trọng Chánh).

– Thứ ba, trong *Đường tài tử truyện* có chép rằng Lý Bạch lên lầu Hoàng Hạc, đọc thấy thơ Thôi Hiệu thì thán phục nói rằng: “Trước mắt có cảnh mà không nói được, vì thơ Thôi Hiệu đã đề ở trên đầu.”, sau đó rời khỏi. Dù Lý Bạch không viết bài thơ nào tả về lầu Hoàng Hạc, nhưng ông đã viết bài thơ không kém phần nổi tiếng, được truyền tụng đến ngày nay là *Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng* (Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng).

TIẾT 2

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Vận dụng các kĩ năng *theo dõi, suy luận* đã học ở lớp trước trong quá trình đọc trực tiếp VB.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS cho những câu hỏi ở phần *Đọc VB*.

c. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: * <i>Giao nhiệm vụ HT:</i> Cá nhân HS đọc thầm bản phiên âm, tạm dừng ở thẻ đọc <i>Theo dõi</i> và thực hiện theo nội dung yêu cầu của thẻ (SGK, tr. 11), đọc bản dịch nghĩa, tạm dừng ở thẻ đọc <i>Suy luận</i> thực hiện theo nội dung yêu cầu của thẻ (SGK, tr. 12); sau đó, ghi câu trả lời ngắn gọn vào giấy ghi chú và dán vào vị trí thẻ tương ứng.</p> <p><i>Lưu ý:</i> Việc xác định rõ những căn cứ trên VB (bằng cách gạch chân, tô màu làm nổi bật, đánh dấu,...) sẽ giúp em thực hiện yêu cầu của các thẻ đọc.</p> <p>Bước 2: * <i>Thực hiện nhiệm vụ HT:</i> Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: * <i>Báo cáo, thảo luận:</i> Nhóm 2 – 3 HS trao đổi kết quả trả lời câu hỏi <i>Đọc VB</i>. Sau đó, đại diện 1 – 2 nhóm HS trao đổi kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.</p> <p>Bước 4: * <i>Kết luận, nhận định:</i> GV đánh giá kết quả đọc trực tiếp của HS: Thái độ của HS với việc đọc, số lượng và chất lượng câu trả lời cho hoạt động <i>Trải nghiệm cùng VB</i>, chỉ ra những điểm HS cần rèn luyện thêm ở hoạt động này.</p> <p><i>Lưu ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Thứ nhất, GV giúp HS ôn lại về kiến thức thơ luật Đường đã học ở sách <i>Ngữ văn 8. Bài Hoàng Hạc lâu</i> là bài thơ thất ngôn bát cú luật bằng vần bằng. <p>Bảng luật thơ thất ngôn bát cú luật vần bằng trong Sách giáo viên <i>Ngữ văn 8</i>, Bài 6 như sau:</p> <p>B – B – T – T – T – B – B (vần)</p> <p>T – T – B – B – T – T – B (vần)</p> <p>T – T – B – B – B – T – T</p> <p>B – B – T – T – T – B – B (vần)</p> <p>B – B – T – T – B – B – T</p> <p>T – T – B – B – T – T – B (vần)</p>	

T – T – B – B – B – T – T

B – B – T – T – T – B – B (vần)

Tuy vậy, chúng ta thấy hai câu đầu không tuân theo luật thơ này:

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ

T – B – T – B – B – T – T (vần)

Thử địa không dư hoàng hạc lâu

T – T – B – B – B – T – B (vần)

Các chữ in đậm nằm ở vị trí chữ thứ 4 và thứ 6, theo luật phải “nhị tứ lục phân minh”, mà ở đây bằng trắc lại bị đảo lộn, dẫn đến việc bài thơ bị thất luật, kéo theo đó là câu thơ thứ ba cũng thất luật:

Hoàng Hạc nhất khứ bất phục phản

B – T – T – T – T – T – T

GV giúp HS nhận ra bài thơ không tuân thủ luật bằng trắc của một bài thơ luật Đường, nhưng vẫn được coi là một trong những bài thơ Đường hay nhất, vì thơ quan trọng nhất vẫn là ý tứ, sau đó đến ngôn từ, cuối cùng mới là thi luật.

– Thứ hai, GV dẫn dắt HS cảm nhận được ý thơ, tứ thơ, mà một trong những ý tứ quan trọng nhất chính là “khói sóng”. “Khói sóng” là làn sương khói mỏng manh, phảng phất trên mặt nước, thường xuất hiện lúc bình minh hoặc hoàng hôn. “Khói sóng” bâng lảng không thể nắm bắt và mơ hồ, vô định, nên thường khơi gợi cảm xúc man mác hoặc bơ vơ của con người. Có thể thi nhân nhìn khói sóng mỏng manh ẩn hiện buổi hoàng hôn mà chợt nhận ra mình đang cô đơn nơi đất khách. Cũng có thể chính nỗi niềm đơn độc sẵn có đã khiến thi nhân tìm một thi ảnh để kí thác tâm trạng của mình.

GV cũng giới thiệu cho HS hai cách dịch khác nhau qua hai bản dịch của Tân Đà và Nguyễn Khuê để thấy được những diễn giải khác nhau của tứ thơ.

2.3. Tổng kết

2.3.1. Tìm hiểu chủ thể trữ tình, nội dung bao quát của bài thơ và tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình

a. Mục tiêu:

- Biết đánh giá, phê bình VB dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.
- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong HT.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS cho câu hỏi 1 và 2 (SGK, tr. 112); thái độ tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động nhóm.

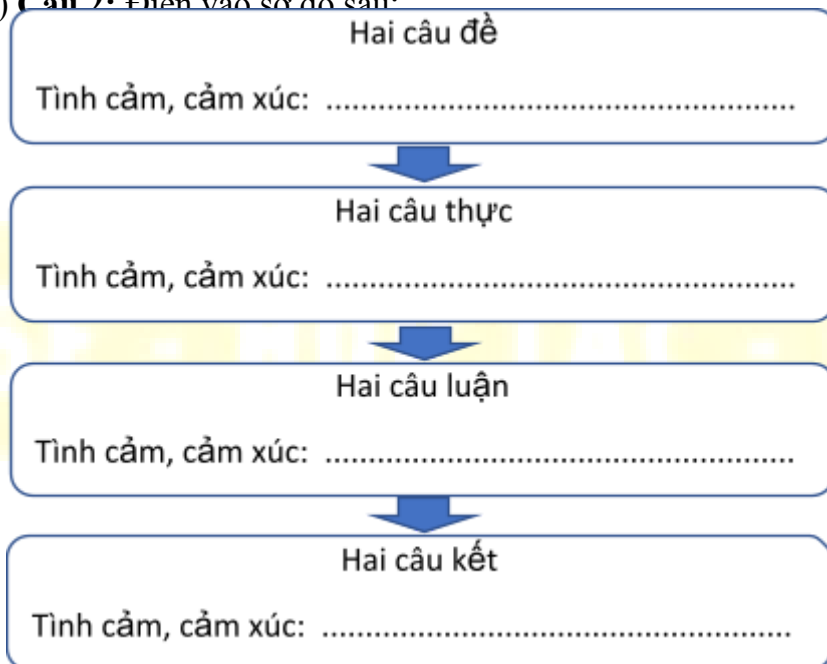
c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ HT:* Nhóm 2 HS thực hiện các nhiệm vụ sau:

(1) **Câu 1:** Điền vào bảng sau:

Chủ thể trữ tình	Chủ thể trữ tình của Hoàng hạc lâu	Nội dung bao quát của Hoàng hạc lâu
<ul style="list-style-type: none"> – Chỉ người thể hiện thái độ, cảm xúc, tư tưởng của mình trong suốt VB thơ. – Thường xuất hiện trực tiếp với các đại từ nhân xưng: “tôi”, “ta”, “chúng ta”, “anh”, “em” hoặc nhập vai vào một nhân vật nào đó, cũng có thể là “chủ thể ẩn”. – Các hình thức xuất hiện của chủ thể trữ tình cũng có thể thay đổi, xen kẽ trong một bài thơ. 		

(2) **Câu 2:** Điền vào sơ đồ sau:



Lưu ý: GV có thể hướng dẫn HS phân tích theo bố cục: sáu câu đầu, hai câu cuối hoặc bố cục: bốn câu đầu, bốn câu cuối.

* *Thực hiện nhiệm vụ HT:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.

* *Báo cáo, thảo luận:* 2 – 3 nhóm HS trình bày câu trả lời. Các nhóm khác trao đổi, bổ sung.

* *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét thái độ của HS trong quá trình tham gia các hoạt động nhóm và kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS theo hướng dẫn gợi ý sau:

(1) Câu 1:

– Chủ thể trữ tình: Người lên lầu Hoàng Hạc, ngắm cảnh mà sinh tình.

– Nội dung bài thơ: Thông qua câu chuyện về lầu Hoàng Hạc, cũng như việc miêu tả cảnh đẹp được ngắm nhìn từ lầu Hoàng Hạc để gửi gắm tâm trạng.

(1) Câu 2:

– Bố cục: Đề, thực, luận, kết:

+ Hai câu đề: Sự hoài niệm “hạc vàng” trong điển tích xưa, đồng thời cũng là sự hoài niệm về đẹp đã qua không trở lại.

+ Hai câu thực: Sự hoài niệm, nuối tiếc và cảm thức về sự còn – mất, về sự hữu hạn – vô hạn của đất trời và con người.

+ Hai câu luận: Đặc tả phong cảnh nhìn từ lầu Hoàng Hạc, qua đó gửi gắm cảm xúc.

+ Hai câu kết: Tâm trạng buồn, cô đơn, nhớ quê hương da diết.

– Bố cục bốn câu đầu – bốn câu cuối:

+ Bốn câu đầu: Cảm xúc hoài cổ và những chiêm nghiệm đầy tiếc nuối về mối quan hệ giữa còn – mất, vô cùng – hữu hạn, bất biến – vô thường.

+ Bốn câu cuối: Phong cảnh lầu Hoàng Hạc lúc hoàng hôn; cảnh ngộ cô đơn của thực tại và nỗi niềm thương nhớ quê hương.

2.3.2. Tìm hiểu một số đặc điểm cơ bản của phong cách thơ cổ điển

a. Mục tiêu: Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển qua các tác phẩm thơ trữ tình tiêu biểu.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS cho các câu hỏi 3, 4, 5 (SGK, tr. 12).

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ HT:* Nhóm 4 – 6 HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ sau:

(1) Câu 3: Xem lại một số yếu tố về thi luật của thơ thất ngôn bát cú luật Đường và trả lời câu hỏi số 3.

(2) Câu 4: Đọc lại bài thơ và điền thông tin vào bảng sau:

Hình ảnh, điển tích, điển cố	Ý nghĩa	Chủ đề
Một số hình ảnh tiêu biểu:
–
–
Một điển tích, điển cố:

.....
.....

(3) **Câu 5:** Đọc lại mục *Phong cách cổ điển* (SGK, tr. 9), sau đó, xác định phong cách sáng tác của bài thơ và đặc điểm của phong cách đó được thể hiện rõ nhất qua bài thơ.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.

* **Báo cáo, thảo luận:** 2 – 3 nhóm HS trả lời câu hỏi. Các nhóm HS khác trao đổi, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS theo gợi ý sau:

(1) **Câu 3:** Bố cục: Đề – thực – luận – kết; vần: vần bằng (*nhân*); nhịp: 4/3; đối: cặp câu 3 – 4, 5 – 6.

(2) **Câu 4:**

– Hệ thống hình ảnh có thể giúp thể hiện chủ đề bài thơ: “tích nhân” (người xưa), “thử địa” (nơi đây), “không” (trống không, trơ trọi), “nhất khứ” (đã bay đi), “thiên tải” (ngàn năm),... Đồng thời, có thể xác định trực quan hệ của các từ theo cặp quan hệ quá khứ – hiện tại (“tích nhân” – “thử địa”), hữu hạn – vô cùng (“hoàng hạc nhất khứ” – “bạch vân thiên tải”),...

– Điển tích, điển cố “hạc vàng”: Tên gọi “lâu Hoàng Hạc” bắt nguồn từ truyền thuyết dân gian: Tương truyền, tu sĩ Phí Văn Vi đắc đạo thành tiên, thường cưỡi hạc vàng ngao du sơn thủy. Một hôm, bay qua Vũ Hán đã đỗ xuống ngắm nhìn cảnh đẹp, người đời sau bèn xây lầu để kỉ niệm. Con hạc vàng tượng trưng cho điều kì diệu, đẹp để chỉ xuất hiện một lần, mãi mãi gây thương nhớ không nguôi cho đời sau.

– Chủ đề bài thơ: Sự tiếc nuối khôn nguôi đối với những vẻ đẹp đã qua trong quá khứ mà đại diện là “hạc vàng” và tâm trạng đơn côi trong sự hữu hạn của đời người.

– Tác dụng: Việc sử dụng các hình ảnh, điển tích, điển cố “hạc vàng” giúp cho bài thơ thâm đượm phong vị hoài cổ; cấu tứ trở nên hàm súc, giàu sức gợi cảm hơn.

(3) **Câu 5:** Bài thơ *Hoàng Hạc lâu* được sáng tác theo phong cách cổ điển, cùng đặc trưng đề cao tính chất khuôn mẫu, chuẩn mực về tư tưởng và nghệ thuật. Tính chất chuẩn mực về nghệ thuật (quy định về thể loại; hệ thống ngôn từ tao nhã; hình ảnh ước lệ tượng trưng; sử dụng điển tích, điển cố,...) đặc biệt rõ nét trong tác phẩm này.

2.3.3. Sắp xếp một số tác phẩm thơ theo tiến trình lịch sử văn học

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức về lịch sử văn học và kĩ năng tra cứu để sắp xếp một số tác phẩm, tác giả lớn theo tiến trình lịch sử văn học; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS cho câu hỏi 6 (SGK, tr. 3).

c. Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc lại mục *Lịch sử/ tiến trình lịch sử văn học* (SGK, tr.9), sau đó, trả lời **Câu hỏi 6**.

* **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác trao đổi, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS theo gợi ý sau:

Tên tác phẩm, tác giả	Phong cách sáng tác	Thời kì văn học (trung đại/ hiện đại)
<i>Độc “Tiểu Thanh kí”</i> (Nguyễn Du)	Cổ điển	Trung đại
<i>Hoàng Hạc lâu</i> (Thôi Hiệu)	Cổ điển	Trung đại
<i>Thơ duyên</i> (Xuân Diệu)	Lãng mạn	Hiện đại

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu kiến thức trọng tâm trong bài học để thực hiện bài tập GV giao

b. Nội dung: HS trao đổi và thực hiện với các bạn trong nhóm.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện nhiệm vụ hoặc câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: Thực hiện nhiệm vụ: Làm việc cá nhân, chia sẻ suy nghĩ

Câu 1: Thông điệp em ấn tượng sâu sắc nhất sau khi học bài thơ Hoàng Hạc Lâu? Vì sao?

Câu 2: Từ những thông điệp mà bản thân rút ra hãy viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề đó

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Nhận xét

Bước 4: Chuẩn kiến thức

Luyện tập

Câu 1: Hs đưa ra thông điệp và lí giải

Gợi ý:

+ Cảm hứng hoài cổ trong thơ ca
+ Tình yêu quê hương

Câu 2:

HS thực hiện theo các bước làm bài:

+ Đặt vấn đề
+ Lý giải vấn đề
+ Kết thúc vấn đề

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Sản phẩm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:

Hoạt động cá nhân:

Vấn đề 1: Chia sẻ về một danh lam thắng cảnh mà em yêu thích.

Vấn đề 2: Trình bày suy nghĩ của em về vai trò của quê hương đối với cuộc sống con người.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ (GV có thể giao HS về nhà hoàn thành)

Bước 3. Báo cáo thảo luận:

GV gọi HS báo cáo sản phẩm học tập trong tiết học tự chọn hoặc buổi chiều.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét, cho điểm.

4. Củng cố:

- Đặc điểm về phong cách cổ điển và phong cách lãng mạn.
 - Nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Hoàng Hạc Lâu”.
5. **HDVN:** CBB mới : Trảng Giang (Huy Cận).

NGŨ VĂN THPT

HÂN TRỜI SÁNG TẠO

CHIA SẺ - HỢP TÁC - ĐOÀN KẾT

Tiết 3-4: ĐỌC VĂN BẢN 2 : TRÀNG GIANG

(Thời gian: 02 tiết).

GV soạn:**1. NGUYỄN LINH HOÀNG VY****Trường: THCS HOÀ HƯNG, Quận 10, TPHCM.****2. NGÔ THỊ THU NGỌC****Trường: THPT ĐÔNG THẠNH (Cần Giuộc - Long An)****I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:** Đặc điểm thơ cổ điển và lãng mạn.**2. Về năng lực****2.1. Về năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

- Năng lực tự chủ và tự học: Hoàn thành được những nhiệm vụ được giao khi thực hiện các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

2.2. Về năng lực đặc thù

- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các tác phẩm thơ trữ tình tiêu biểu.

- Biết đánh giá, phê bình văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.

- Vận dụng được kiến thức về lịch sử văn học và kỹ năng tra cứu để sắp xếp một số tác phẩm, tác giả lớn theo tiến trình lịch sử văn học; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.

3. Về phẩm chất

Tôn trọng sự khác biệt trong phong cách cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**1. Thiết bị dạy học:** Máy tính, máy chiếu, tivi,..**2. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập,...**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 1:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

1. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Tràng giang*.
2. **Nội dung:** GV đặt câu hỏi cho HS
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và đáp án về chia sẻ cá nhân
4. **Tổ chức thực hiện**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV đặt câu hỏi: Theo em khi đứng trước cảnh trời nước mênh mông buổi hoàng hôn, con người thường dễ nảy sinh tâm trạng, nỗi niềm gì?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

GV mời một số HS đứng dậy trả lời câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV chốt đáp án:

GV dẫn dắt vào bài: Buồn thương, sầu não là âm hưởng chính khiến Lửa Thiêng như bản ngâm ngùi dài. Tập thơ dằng dặc một nỗi buồn nhân thế, một nỗi đau đời. Nhà thơ đã gọi dậy cái hồn buồn của Đông Á,... đã khơi lại cái mạch sầu mấy nghìn năm vẫn ngấm ngấm trong cội đất này (Hoài Thanh). Nỗi buồn như kết quả của quá trình lắng nghe tinh tế nhịp tuần hoàn vũ trụ và nỗi ngấm ngấm nhân gian. Đó là tấm lòng ...tủi nắng sầu mưa. Cũng đất nước mà nặng buồn sông núi. Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu Tiết 1 - Bài 2 *Tràng giang*.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Khái quát đặc điểm thể loại và hướng dẫn đọc văn bản *TRĂNG GIANG*

a. Mục tiêu:

– Khái quát được một số đặc điểm của thơ cổ điển và thơ lãng mạn qua việc đọc VB *Hoàng Hạc lâu*.

– Thực hiện được nhiệm vụ đọc ở nhà liên quan đến VB *Tràng giang*.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về một số đặc điểm của thơ cổ điển và thơ lãng mạn qua việc đọc VB *Hoàng Hạc lâu*; nội dung nhiệm vụ Trước khi đọc hiểu VB *Tràng giang* ở nhà.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ HT:*

(1) Nhóm 2 HS trả lời tại lớp hai câu sau:

a. Hệ thống lại những đặc điểm của thơ cổ điển và thơ lãng mạn qua việc đọc VB *Hoàng Hạc lâu*.

b. Rút ra ít nhất một kinh nghiệm mới về việc đọc thơ cổ điển từ bài học này.

(2) Cá nhân HS về nhà thực hiện những nhiệm vụ sau để chuẩn bị cho tiết học tiếp theo về VB *Tràng giang*.

a. Trình bày ít nhất ba hiểu biết của em về tác giả Huy Cận, bài thơ *Tràng giang* và dòng sông Hồng.

b. Trả lời câu hỏi *Trước khi đọc* (SGK, tr. 13).

c. Đọc thầm VB *Tràng giang* và ở lần đọc đầu tiên thực hiện theo những yêu cầu của các

thẻ đọc *Trông tượng* (SGK, tr. 14) và *Suy luận* (SGK, tr. 14).

* *Thực hiện nhiệm vụ HT:*

(1) Nhóm 2 HS thực hiện tại lớp.

(2) Cá nhân thực hiện ở nhà.

* *Báo cáo, thảo luận:* 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

* *Kết luận, nhận định:*

(1) GV góp ý câu trả lời của HS, hướng dẫn HS chú ý một số đặc điểm của thơ cổ điển (xem lại *Tri thức Ngữ văn*) và ghi chép vào vở.

(2) Thực hiện trên lớp ở tiết học tiếp theo.

2. Hoạt động đọc văn bản *Tràng giang*

2.1. Trước khi đọc

a. Mục tiêu: Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến VB; tạo tâm thế trước khi đọc.

b. Sản phẩm: Nội dung trả lời của HS ở giai đoạn *Trước khi đọc*.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ HT:* Nhóm 2 HS trao đổi về những nội dung *Trước khi đọc* đã thực hiện ở nhà.

* *Thực hiện nhiệm vụ HT:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.

* *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.

* *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ *Trước khi đọc*. Trên cơ sở đó, GV dẫn dắt vào bài học.

2.2. Đọc văn bản

a. Mục tiêu:

– Vận dụng kỹ năng đọc đã học ở lớp trước như *Trông tượng*, *Suy luận* trong quá trình đọc trực tiếp VB.

– Chia sẻ được kết quả thực hiện ở nhà của nội dung *Đọc VB*.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS cho những câu hỏi ở phần *Đọc VB*.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ HT:* Nhóm 2 HS trao đổi với nhau về kết quả đọc trực tiếp ở nhà.

* *Thực hiện nhiệm vụ HT:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.

* *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả. *Lưu ý:* HS cần trình bày rõ: (1) số lượng các thẻ đọc đã hoàn thành; (2) mức độ tương đồng và khác biệt về kết quả trả lời các thẻ đọc của các thành viên nhóm; (3) cách thức HS thực hiện những kỹ năng (căn cứ trả lời) để tìm ra các câu trả lời.

* *Kết luận, nhận định:* GV đánh giá kết quả đọc trực tiếp của HS: Thái độ của HS với việc đọc, số lượng và chất lượng câu trả lời cho hoạt động *Đọc VB*, chỉ ra những điểm HS cần rèn luyện thêm ở hoạt động này.

2.3. Sau khi đọc

2.3.1. Tìm hiểu nội dung chính, nhan đề, lời đề từ, tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, chủ đề của bài thơ

a. Mục tiêu:

– Biết đánh giá, phê bình VB dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.

– Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS cho các câu hỏi 1, 2, 3, 5 (SGK, tr. 14); thái độ tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động nhóm.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ HT:* Nhóm 4 – 6 HS thực hiện các nhiệm vụ sau:

(1) Câu 1:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Xác định nội dung chính của từng khổ thơ, nội dung bao quát của bài thơ và điền vào sơ đồ sau:



(2) Câu 2: Nhận xét về cách đặt nhan đề và nêu tác dụng của lời đề từ. Gợi ý:

– Văn “ang” trong từ “Tràng giang” gợi cho em liên tưởng đến hình ảnh nào? Hình ảnh đó gợi cho em cảm xúc gì?

– Lời đề từ tuy nằm ngoài VB nhưng có vai trò thể hiện nội dung tư tưởng và ý đồ nghệ thuật của tác giả. Theo em, lời đề từ *Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài* có vai trò gì trong việc thể hiện nội dung chính của tác phẩm?

(3) Câu 3: Điền vào bảng sau để làm rõ vai trò của vần và nhịp thơ trong việc thể hiện tâm trạng, cảm xúc của chủ thể trữ tình:

Cách gieo vần, ngắt nhịp	Tác dụng
Xác định vần được sử dụng trong khổ 1, 3, 4	
Nêu cách ngắt nhịp chủ yếu trong toàn bộ bài thơ	

(4) Câu 5: Nêu chủ đề và cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

* *Thực hiện nhiệm vụ HT:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.

* *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày sản phẩm. Các nhóm HS khác lắng nghe, trao đổi, bổ sung.

* *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS theo gợi ý sau:

(1) Câu 1:

- Nội dung chính của khổ 1: Dòng sông chắt chứa nỗi sầu.
- Nội dung chính của khổ 2: Dòng sông đìu hiu, vắng lặng.
- Nội dung chính của khổ 3: Dòng sông cô quạnh.
- Nội dung chính của khổ 4: Tâm trạng cô đơn và nỗi nhớ nhà.

⇒ Nội dung bao quát của bài thơ: Qua cảnh “sông dài, trời rộng, bến cô liêu”, chủ thể trữ tình gửi gắm nỗi cô đơn, lẻ loi và lòng yêu nước kín đáo.

(2) Câu 2:

– Cách đặt nhan đề: Văn “ang” trong từ “tràng giang” gợi lên hình ảnh một con sông không những dài mà còn rộng mênh mông. Hình ảnh đó gợi lên âm hưởng trầm buồn, man mác cho toàn bộ bài thơ.

– Tác dụng của lời đề từ: Khắc họa nỗi buồn, sự luyến tiếc, xen lẫn nhớ thương (*bâng khuâng*) trước cảnh vũ trụ bao la, bát ngát (*trời rộng, sông dài*).

(3) Câu 3: Tác giả sử dụng những vần có độ vang như “ong”, “ang” trong khổ 1, “ang” trong khổ 3, “a” trong khổ 4; nhịp thơ chủ yếu là 2/2/3, đôi chỗ là 4/3 hoặc 2/5 góp phần tạo nên âm điệu trầm buồn, mênh mang, sâu lắng cho bài thơ. Ngoài ra, bài thơ cũng có sự cách tân trong

nhịp thơ để tăng chất nhạc như: *Mênh mông/ không một chuyển đồ ngang* trong khổ 3.

(4) Câu 5:

– Chủ đề: Nỗi buồn sông núi, nỗi sầu nhân thế, sự cô đơn, lẻ loi của cá nhân nhỏ bé trước sự bao la, vô cùng của vũ trụ. Đó cũng là nỗi buồn của “cái tôi” trong Thơ mới đang bế tắc trước thời cuộc.

– Cảm hứng chủ đạo: Tâm sự yêu nước kín đáo được lồng trong nỗi buồn sông núi, nỗi cô đơn trước vũ trụ và nỗi sầu nhân thế.

Sau đó, GV nhận xét, đánh giá về mức độ các thành viên trong nhóm chủ động, tích cực phân tích các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

Tiết 2:

2.3.2. Tìm hiểu một số đặc điểm của thơ lãng mạn được thể hiện qua bài thơ

a. Mục tiêu:

– Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các tác phẩm thơ trữ tình tiêu biểu.

– Biết đánh giá, phê bình văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.

– Vận dụng được kiến thức về lịch sử văn học và kỹ năng tra cứu để sắp xếp một số tác phẩm, tác giả lớn theo tiến trình lịch sử văn học; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.

– Thực hiện được bài tập sáng tạo.

b. Sản phẩm: Câu trả lời các câu hỏi 4, 6, 7 (SGK, tr. 14) của HS.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ HT:* Nhóm 4 – 6 HS trả lời PHT số 2.

(1) Câu 4: Trong sự tương phản với không gian “trời rộng”, “sông dài”, các hình ảnh “thuyền”, “củi” (khổ 1); “bến cô liêu” (khổ 2), “bèo dạt...” (khổ 3); “chim nghiêng cánh nhỏ...” (khổ 4) tượng trưng cho điều gì?

Gợi ý:

– Điểm chung của các hình ảnh được liệt kê ở trên là gì?

– Trong sự tương phản với không gian bao la (“trời rộng”, “sông dài”), những hình ảnh ấy biểu trưng cho điều gì?

– Nghệ thuật đối của thơ Đường có vai trò như thế nào trong việc thể hiện sự tương phản giữa các hình ảnh ấy?

(2) Câu 6: Điền vào bảng sau để làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt giữa *Tràng giang* (Huy Cận) và *Hoàng Hạc lâu* (Thôi Hiệu):

a. Những điểm tương đồng và khác biệt trong khổ thơ cuối:

	<i>Tràng giang</i>	<i>Hoàng Hạc lâu</i>
Điểm tương đồng		
Điểm khác biệt		

b. Những điểm khác biệt về đề tài và hình thức thể loại giữa hai bài thơ:

	<i>Tràng giang</i>	<i>Hoàng Hạc lâu</i>
Vần, nhịp		
Từ ngữ, hình ảnh		
“Cái tôi” trữ tình		

(3) Câu 7: Đọc lại *Tri thức Ngữ văn*, xác định phong cách sáng tác của bài thơ *Tràng giang* và

căn cứ để xác định phong cách sáng tác đó.

(4) **Bài tập sáng tạo:** Cá nhân HS thực hiện ở nhà.

* *Thực hiện nhiệm vụ HT:* Nhóm HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ.

* *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 – 3 nhóm HS trả lời. Các nhóm HS khác trao đổi, bổ sung.

* *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS theo gợi ý:

(2) **Câu 6:**

a. Những điểm tương đồng và khác biệt trong khổ thơ cuối:

	<i>Tràng giang</i>	<i>Hoàng Hạc lâu</i>
Điểm tương đồng	– Thơ bảy chữ. – Cùng thể hiện nỗi buồn man mác của người lữ khách tha hương trước cảnh trời rộng sông dài (<i>Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà</i>).	
Điểm khác biệt	– Vận, nhịp có sự cách tân để tăng cường nhạc điệu cho bài thơ. – Hình ảnh, ngôn ngữ mới mẻ: <i>mây cao, núi bạc, lòng quê dọn dọn vời con nước</i> . – Cái tôi lãng mạn phá vỡ quy tắc ước lệ truyền thống để đem đến một phong cách trữ tình mới.	– Ngắt nhịp theo quy định: 4/3. – Sử dụng hình ảnh ước lệ tượng trưng, điển tích, điển cố. – Tình cảm có tính chuẩn mực.

b. Những điểm khác biệt về đề tài và hình thức thể loại giữa hai bài thơ.

	<i>Tràng giang</i>	<i>Hoàng Hạc lâu</i>
Vận, nhịp	Có sáng tạo về vận, nhịp (câu 3).	Tuân thủ thi luật của thơ Đường luật.
Từ ngữ, hình ảnh	Sử dụng kết hợp thi liệu cổ điển và hình ảnh quen thuộc, đời thường (<i>củi một cành khô, bèo dạt, ...</i>).	Tuân thủ quy cách chặt chẽ về thi liệu và ngôn ngữ của thơ cổ điển.
“Cái tôi” trữ tình	“Cái tôi” lãng mạn được thể hiện trực tiếp qua những từ ngữ, hình ảnh mang đậm dấu ấn cá nhân.	Tình cảm có tính chuẩn mực, cổ điển.

(3) **Câu 7:** *Tràng giang* thuộc phong cách sáng tác lãng mạn. Căn cứ xác định:

– Cảm xúc của “cái tôi” cá nhân được đề cao, khắc sâu: nỗi buồn triền miên, vô tận được thể hiện trực tiếp qua những từ ngữ, hình ảnh: *buồn điệp điệp, sầu trăm ngả, bèo cô liêu, ...*

– Tuy mỗi dòng thơ có bảy chữ nhưng toàn bộ bài thơ không tuân theo khuôn khổ thi luật của thơ luật Đường.

(4) **Bài tập sáng tạo:** HS và GV nhận xét sản phẩm sáng tạo của HS về hai phương diện:

– Nội dung: Bức tranh hoặc đoạn văn cần thể hiện được cảm nhận riêng tư, mới mẻ của HS về một trong hai hình tượng.

– Hình thức: Bức tranh cần có bố cục hợp lí, màu sắc hài hoà; đoạn văn cần đảm bảo yêu cầu về hình thức của một đoạn văn, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.

2.4. Khái quát đặc điểm thể loại và rút ra kinh nghiệm đọc

a. *Mục tiêu:*

- Hệ thống được đặc điểm của thơ cổ điển và thơ lãng mạn.
- Rút ra được kinh nghiệm đọc thơ cổ điển và thơ lãng mạn.

b. Sản phẩm: Bảng tóm tắt một số lưu ý khi đọc thơ cổ điển và thơ lãng mạn; sản phẩm sáng tạo.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ HT:* Tại lớp, nhóm 2 HS thảo luận và hoàn thành bảng sau để tóm tắt một số đặc điểm và cách đọc thơ cổ điển và lãng mạn:

Một số đặc điểm của thơ nói chung:		
Thơ cổ điển	Đặc điểm:	Cách đọc:
Thơ lãng mạn	Đặc điểm:	Cách đọc:

* *Thực hiện nhiệm vụ HT:* Nhóm 4 – 6 HS thực hiện nhiệm vụ ở lớp.

* *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả thực hiện. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.

* *Kết luận, nhận định:*

(1) GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm dựa trên đặc điểm của *thơ cổ điển và lãng mạn* đã học và lưu ý HS khi đọc thơ cổ điển và lãng mạn này cần chú ý:

Một số lưu ý về cách đọc VB thơ nói chung:

- Tìm các từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu → suy luận ý nghĩa của chúng.
- Phân tích bố cục → làm rõ mạch cảm xúc → cảm hứng chủ đạo.
- Phân tích nét đặc sắc của hình thức nghệ thuật (thể thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp, các biện pháp tu từ, cách triển khai mạch cảm xúc,...) → làm rõ tác dụng đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.
- Phân tích nét độc đáo của kết cấu tác phẩm.
- Khái quát về chủ đề, thông điệp → làm rõ chủ đề, thông điệp được thể hiện qua những yếu tố hình thức.

Thơ cổ điển	<p>Đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> – <i>Đề tài và cảm hứng:</i> Những tư tưởng đạo lí, lí tưởng sống có tính chất khuôn mẫu, chuẩn mực. – <i>Nguyên tắc tổ chức hệ thống hình ảnh, từ ngữ:</i> tính tao nhã, ước lệ; sử dụng nhiều điển cố, điển tích; tôn trọng các chuẩn mực và quy phạm (ví dụ: tuân thủ chặt chẽ niêm luật, bố cục, nghệ thuật đối,...). 	<p>Cách đọc: Cần chú ý thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xác định và phân tích thi luật (thể thơ, bố cục, cách gieo vần, nghệ thuật đối lập,...). – Tìm và phân tích ý nghĩa của các hình ảnh ước lệ, tượng trưng, điển cố, điển tích → làm rõ tình cảm, cảm xúc của tác giả (tả cảnh ngụ tình, ý tại ngôn ngoại).
Thơ lãng mạn	<p>Đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> – <i>Đề tài và cảm hứng:</i> Tình cảm chủ quan và trí tưởng tượng bay bổng của tác giả (hiện thực được miêu tả một cách chủ quan thông qua lăng kính tình cảm, cảm xúc và trí tưởng tượng). – <i>Nguyên tắc tổ chức hệ thống hình ảnh, từ ngữ:</i> sự phóng khoáng, tự do, bay bổng, phá vỡ các chuẩn mực và quy phạm. 	<p>Cách đọc: Cần chú ý thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm những từ ngữ thể hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình. – Tìm những từ ngữ thể hiện gián tiếp tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình → suy luận ý nghĩa của chúng.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn làm bài vào vở, cho HS luyện tập theo những nhiệm vụ cụ thể sau

Câu 1: *Nét hiện đại và cổ điển được thể hiện như thế nào qua bài thơ Tràng giang?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài luyện tập vào vở.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện một số HS trình bày trước lớp.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức về **Bài 1: Những sắc màu thi ca**

b. Nội dung: GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

c. Sản phẩm học tập: Những kiến thức HS đã học được trong **Bài 1** và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Bài tập sáng tạo:

- Giáo viên cho học sinh vẽ hoặc viết, hoặc vừa vẽ vừa viết (thơ, vài dòng cảm nghĩ,...) về hình tượng “cánh chim chiều” trong "Tràng giang" hoặc “hạc vàng bay đi...” trong "Hoàng Hạc Lâu".
- Giáo viên có thể tổ chức một buổi trưng bày, một triển lãm nhỏ, hoặc tạo đường link Google drive, một group trên mạng xã hội,... để học sinh có động lực chia sẻ hoặc gửi gắm cảm xúc của mình.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lắng nghe, về nhà chuẩn bị

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS thực hiện ở tiết học sau

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá buổi học.

Tiết 5: ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: XUÂN DIỆU
(Thời gian: 01 tiết).

Gv soạn: Đào Thị Cẩm Nhung

Trường: THPT Trương Định, P3, TP. Gò Công, Tiền Giang.

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nắm được phong cách sáng tác thơ Xuân Diệu và đặc điểm phong cách thơ lãng mạn.
- Khởi gợi ý thức cho HS tìm hiểu về trường phái Thơ Mới.

2. Về năng lực:

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,...
 - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.
 - Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.
- Năng lực cảm thụ phân tích văn bản văn học.
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Xuân Diệu.
 - Năng lực nhận biết, phân tích một số yếu tố của thơ lãng mạn (Thơ Mới).

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng những đóng góp to lớn của nhà thơ Xuân Diệu với nền văn học nước nhà.
- Chăm chỉ, tự giác học tập, tìm tòi và sáng tạo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

2. Học liệu

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: HS dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức để trả lời các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chiếu video về nhà thơ Xuân Diệu và đặt câu hỏi để HS tìm hiểu về nhà thơ.

<https://www.tiktok.com/@healingyoursoul19/video/7090749161875737883>

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS xem video, ghi lại những nét chính về nhà thơ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trả lời câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đưa ra kết luận.
- GV dẫn dắt vào bài: *Xuân Diệu là một trong những nhà thơ tiêu biểu trong phong trào thơ Mới của Việt Nam. Những sáng tác của nhà thơ luôn được đón nhận một cách nồng nhiệt, cho đến tận bây giờ khi nhắc đến nhà thơ Xuân Diệu chúng ta vẫn không thể quên những câu thơ như: “Yêu là chết đi trong lòng một chút”, “Cái na ná tình yêu thì có trăm ngàn Nhưng đích thực tình yêu chỉ có một” Vậy điều gì đã làm nên tên tuổi cùng với sự nghiệp văn chương đồ sộ của ông? Bài học ngày hôm nay sẽ giúp chúng ta tìm hiểu về đặc điểm sáng tác của nhà thơ Xuân Diệu.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Khám phá văn bản

- a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi
- c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>NV1: Tìm hiểu tác giả</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS: <i>Trình bày ngắn gọn thông tin về tác giả Hoài Thanh – Hoài Chân.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ phần chuẩn bị ở nhà, HS thảo luận theo nhóm đôi, bổ sung những chi tiết còn thiếu. - GV quan sát, hỗ trợ HS. <p>Bước 3: Trao đổi, thảo luận báo cáo</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 2 HS phát biểu <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và đưa ra kết luận. 	<p>1. Tác giả</p> <p>a. Hoài Thanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoài Thanh sinh ngày 15 tháng 7 năm 1909 và mất ngày 14 tháng 3 năm 1982 tại Hà Nội - Tên khai sinh của Hoài Thanh là Nguyễn Đức Nguyên, bút danh là Văn Thiên, Le Nhà Quê - Quê quán: Xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An - Ông sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước, có tham gia vào phong trào Đông Du chống Pháp của Phan Bội Châu. - Ông bắt đầu học chữ Hán, chữ Quốc ngữ và từng là học sinh của trường Quốc học Vinh, rồi theo học tại trường Pháp Việt đến bậc trung học thì tham gia vào phong trào yêu nước của học sinh của Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu. - Hoài Thanh là một nhà phê bình văn học Việt Nam, đã có những đóng góp to lớn về mặt phê bình, lý luận để khẳng định Thơ mới trong văn học Việt Nam thế kỉ XX. <p>b. Hoài Chân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoài Chân là bút danh của Nguyễn Đức Phiên, sinh ngày 11 – 4 – 1914 ở xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, là em ruột nhà phê bình Hoài Thanh (tên thật là Nguyễn Đức Nguyên), đồng tác giả quyển Thi nhân Việt Nam (soạn trong khoảng năm 1932 - 1941). - Tác phẩm “Thi nhân Việt Nam” do Hoài Thanh và em trai ông – Hoài Chân chấp bút đã đưa tác giả lên vị

<p>* NV2: Tìm hiểu văn bản</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc văn bản: đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát. - GV yêu cầu HS quan sát và trả lời: + <i>Nêu một số thông tin chính về nhà thơ Xuân Diệu.</i> + <i>Nêu hiểu biết của em về cuốn sách Thi nhân Việt Nam.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. 	<p>trí một nhà phê bình lớn của nền văn học Việt Nam đầu thế kỷ 20.</p> <p>2. Văn bản</p> <p>a. Tác giả Xuân Diệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuân Diệu (1916- 1985) tên khai sinh là Ngô Xuân Diệu. - Quê: Can Lộc - Hà Tĩnh nhưng sống với mẹ ở Quy Nhơn - Là thành viên của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, là đại biểu xuất sắc của phong trào thơ mới. Bên cạnh việc sáng tác thơ ca, ông còn tham gia viết báo, phê bình văn học, dịch sách,... - Là cây đại thụ của nền thi ca hiện đại Việt Nam, Xuân Diệu đã để lại khoảng 450 bài thơ (một số lớn nằm trong di cảo chưa công bố), một số truyện ngắn, và nhiều bút ký, tiểu luận, phê bình văn học. <p>b. Cuốn sách Thi nhân Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là cuốn sách sưu tầm, tập hợp, giới thiệu, phê bình sự nghiệp và thành tựu của 42 tác giả trong phong trào Thơ Mới, xuất bản đầu năm 1942. Bằng sự cảm thụ sâu sắc và cái nhìn tinh tế, Hoài Thanh - Hoài Chân đã rất thành công để dựng lên chân dung và đặc điểm của từng vị thi sĩ. Được xem là một trong những công trình có giá trị văn học vô cùng to lớn đối với nền văn chương nước ta.
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Nội dung 2: Hình thành kiến thức

- a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi
- c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ HS trả lời các câu hỏi trong SGK</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Câu 1 (trang 17 sgk Ngữ văn 12 Tập 1): Trong đoạn trích, tác giả đã dùng những từ ngữ, hình ảnh nào để bàn về đặc điểm sáng tác của Xuân Diệu? Theo bạn, thơ Xuân Diệu thuộc phong cách sáng tác cổ điển hay lãng mạn? Căn cứ vào đâu để khẳng định như vậy?</p>	<p>Câu 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những từ ngữ, hình ảnh bàn về đặc điểm sáng tác của Xuân Diệu: + Lối dùng chữ đặt câu quá Tây, ý tứ mượn trong thơ Pháp + Dáng dấp yêu kiều, cốt cách phong nhã, vẻ đài các hiền lành của điệu thơ + Say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi + Hồn thơ phức tạp, rung động tinh vi

Câu 2 (trang 17 sgk Ngữ văn 12 Tập 1): Bạn nhận xét gì về cách tác giả so sánh hình ảnh “con cò” trong thơ Xuân Diệu với hình ảnh con cò trong thơ Vương Bột?

Câu 3 (trang 17 sgk Ngữ văn 12 Tập 1): “Người đã tới giữa chúng ta với một bộ y phục tối tân và chúng ta đã rụt rè không muốn làm thân với con người có hình thức phương xa ấy”. Hãy tìm hiểu thêm về phong trào Thơ mới để giải thích nhận định này của tác giả đoạn trích.

B3. Báo cáo thảo luận:

- HS thực hiện ở tiết học

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét, đánh giá buổi học.

- Căn cứ vào đặc điểm thơ, thơ Xuân Diệu thuộc phong cách sáng tác cổ điển

Câu 2:

Cách tác giả so sánh hình ảnh “con cò” trong thơ Xuân Diệu với hình ảnh con cò trong thơ Vương Bột: Con cò của Vương Bột lặng lẽ bay rắng chiều; con cò của Xuân Diệu không bay mà cánh phân vân à có sự cách biệt của hơn một ngàn năm và của hai thế giới.

Câu 3:

Xuân Diệu là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới: Thơ của ông có sự mới lạ về cả nội dung và hình thức.

+ Về nội dung, khác với các cây bút lãng mạn đương thời luôn tìm cách đối lập với cuộc đời hoặc thoát ly thực tại, ông muốn khẳng định cái tôi trong quan hệ gắn bó với cuộc đời, muốn được sống thật mạnh mẽ.

+ Về nghệ thuật, nhà thơ chịu ảnh hưởng của thơ ca tượng trưng Pháp và đã tìm đến những cách diễn đạt mới lạ, đổi mới ngôn ngữ. Nhưng sự cách tân này vẫn có gốc rễ từ trong tâm thức dân tộc và vốn văn hóa của thơ ca truyền thống.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về *Bài 1: Những sắc điệu thi ca*

b. **Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

c. **Sản phẩm học tập:** Những kiến thức HS đã học được trong *Bài 1* và câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* <i>Hình thức:</i> thảo luận * <i>Kỹ thuật:</i> đặt câu hỏi</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, chỉ ra những đặc trưng trong phong cách thơ của Xuân Diệu trong một bài thơ tự chọn.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS thảo luận theo cặp: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 - 2 HS lên bảng nói trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe. - GV cho cả lớp tiến hành đánh giá bằng bảng kiểm. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS. 	
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về *Bài 1: Những sắc màu thi ca*
- b. **Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.
- c. **Sản phẩm học tập:** Những kiến thức HS đã học được trong *Bài 1* và câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* <i>Hình thức:</i> cá nhân</p> <p>* <i>Kỹ thuật:</i> đặt câu hỏi</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: Tìm 01 bài thơ chứa cả màu sắc cổ điển và hiện đại của Xuân Diệu và làm rõ màu sắc ấy.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, về nhà chuẩn bị <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện ở tiết học sau <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá buổi học. 	

Tiết 6:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ TRANG TRỌNG
 (Thời gian: 01 tiết)

Gv soạn: Lê Thị Nam

Trường: THPT Lê Hồng Phong, Lâm Đồng.

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Phân tích được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng và vận dụng được vào quá trình giao tiếp.

2. Về năng lực**2.1. Về năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động đọc và hoàn thiện các phiếu học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ trước nhiều người.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua hoạt động thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết phân tích và đánh giá được đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng trong một số văn bản.

2.2. Về năng lực đặc thù

- Học sinh phân tích được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng.
- Học sinh vận dụng hoàn thành bài tập về các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng.
- Học sinh vận dụng được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng vào quá trình giao tiếp.
- Năng lực thẩm mỹ: Nhận biết, phân tích, đánh giá, tái tạo, sáng tạo

3. Về phẩm chất

- Yêu nước: Trân trọng và yêu sự trong sáng của tiếng Việt.
- Trách nhiệm: Tích cực, tự giác và nghiêm túc trong quá trình học tập.
- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học, chăm làm, nhiệt tình tham gia các công việc trong lớp, trường, cộng đồng, có ý thức vượt khó trong công việc.
- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong học tập và làm việc; tôn trọng lẽ phải, lên án sự gian lận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, tivi,...

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Tổ chức**

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung:

- GV tổ chức trò chơi “*Đi tìm mật thư*”; GV có 2 mật thư (1) Bạn bè, (2) Bố mẹ; Trong mật thư sẽ gồm các từ ngữ cùng nghĩa với từ đã cho;
- HS chia làm 2 nhóm, chọn mật thư, tìm các từ ngữ cùng nghĩa với từ đã cho trong mật thư thể hiện sự trang trọng; HS dùng bút lông hoặc ghi lên bảng các đáp án đúng; Nhóm nào trả lời nhanh và có nhiều từ nhất sẽ dành chiến thắng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: GV tổ chức trò chơi “*Đi tìm mật thư*”, HS chia làm 2 nhóm, tìm các từ ngữ cùng nghĩa với từ đã cho trong mật thư thể hiện sự trang trọng:

(1) Bạn bè: Bằng hữu, tớ, thân hữu, đồng môn, cậu, đồng chí, mình, đồng đội, đồng minh, tri kỉ,...

(2) Bố mẹ: Ba mẹ, phụ mẫu, thầy u, phụ huynh, tía má, phụ thân mẫu thân, ba má, thân phụ thân mẫu, đại phụ, đại mẫu,...

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ tìm câu trả lời.

Bước 3. Báo cáo thảo luận: HS cử đại diện lên bảng viết câu trả lời.

Bước 4. Kết luận, nhận định: Trong cuộc sống giao tiếp hằng ngày ở một số ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp nhất định, chúng ta sẽ cần sử dụng ngôn ngữ trang trọng thể hiện sự tôn trọng và lịch sự đối với người khác, khẳng định sự lịch lãm và đẳng cấp, tạo ra môi trường giao tiếp chuyên nghiệp và để lại ấn tượng tích cực với người khác. Vậy ngôn ngữ trang trọng có đặc điểm gì chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.
- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.
- Có thái độ tích cực, hứng thú.

Đáp án: Các từ ngữ xưng hô thể hiện sự trang trọng

(1) Bạn bè: Bằng hữu, thân hữu, đồng môn, đồng chí, đồng đội, đồng minh, tri kỉ,...

(2) Bố mẹ: Phụ mẫu, phụ huynh, phụ thân mẫu thân, thân phụ thân mẫu, đại phụ, đại mẫu,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Học sinh phân tích được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng.

b. Nội dung: Học sinh hoàn thiện bài tập thực hành tiếng Việt.

c. Sản phẩm: Phần đọc và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động hình thành kiến thức/ Ôn lại kiến thức

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS đọc khung YCCĐ, quan sát (đọc

lược) phần Tri thức Ngữ văn trang 10 SGK Ngữ văn 12, tập 1 và hoàn thành phiếu học tập theo mẫu sau:

NGÔN NGỮ TRANG TRỌNG	
Khái niệm	- Ngôn ngữ trang trọng là loại ngôn ngữ thể hiện , mang tính chất , chủ yếu được dùng trong hoàn cảnh giao tiếp - Xuất hiện ở cả dạng và dạng
Đặc điểm	- Thường sử dụng từ ngữ có sắc thái , ; không dùng ; - Thường sử dụng câu

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS nghe GV yêu cầu, đọc thông tin trong SGK để chuẩn bị trình bày trước lớp.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV mời 1 - 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, lưu ý HS các từ khóa quan trọng để nắm được khái niệm và đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng.

I. LÝ THUYẾT

1. Khái niệm

- Ngôn ngữ trang trọng là loại ngôn ngữ thể hiện thái độ nghiêm túc, mang tính chất lễ nghi, chủ yếu được dùng trong hoàn cảnh giao tiếp theo nghi thức.

- Loại ngôn ngữ này xuất hiện ở cả dạng viết và dạng nói.

2. Đặc điểm

- Thường sử dụng từ ngữ có sắc thái nghiêm trang, tôn kính, tao nhã; không dùng tiếng lóng, khẩu ngữ;

- Thường sử dụng câu có cấu trúc đầy đủ, rõ ràng.

Lưu ý: Những tác phẩm văn học sáng tác theo phong cách cổ điển thường sử dụng ngôn ngữ trang trọng (ngôn ngữ tao nhã, mang tính ước lệ, tượng trưng).

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng hoàn thành bài tập về các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng; Vận dụng được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng vào quá trình giao tiếp.

b. Nội dung: HS trao đổi và thực hiện với các bạn trong nhóm.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện nhiệm vụ hoặc câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, thực hiện yêu cầu **Bài tập 1/ SGK trang 18:** Phân tích đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng trong các trường hợp sau:

Nhóm 1: a. Thơ Xuân Diệu là nguồn sống dào dạt chưa từng thấy ở chốn non nước lặng lẽ này - Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, sống

II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1: Đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng trong:

<p>cuồng quýt, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui cũng như khi buồn, người đều nồng nàn, tha thiết. (Hoài Thanh - Hoài Chân, Thi nhân Việt Nam)</p> <p>Nhóm 2: b. Phong cách là một tập hợp những nét độc đáo tương đối ổn định có giá trị thẩm mỹ trong sáng tác của một tác giả (phong cách tác giả), một trường phái văn học (phong cách trường phái), một thời đại (phong cách thời đại), hay một nền văn học (phong cách dân tộc). Đặc trưng phong cách được tạo thành từ quan niệm (cái nhìn) riêng về thế giới, con người, thể hiện quan hệ thống đề tài; tư tưởng, cảm hứng; hình tượng nhân vật và các thủ pháp nghệ thuật được ưa chuộng.</p> <p>Nhóm 3: c. Tuy nhiên, ngay trong sự tương đồng ấy, ta vẫn thấy giữa hai bài thơ trên có những điểm khác biệt rất rõ: “Giang tuyết” là một bài thơ mang phong vị cổ điển với đầy đủ ý nghĩa của phong cách thơ cổ điển Trung Hoa, còn “Mộ” là bài thơ kết hợp giữa phong vị cổ điển với tính hiện đại. (Theo Hoàng Trung Thông, Phong vị cổ điển trong bài thơ “Giang tuyết” (Liễu Tông Nguyên) và tính hiện đại trong bài thơ “Mộ” (Hồ Chí Minh))</p> <p>Nhóm 4: d. Kính chào quý vị. Mời quý vị theo dõi bản tin cuối ngày của Đài Truyền hình Ciệt Nam. (Bản tin thời sự 23h VTV1 ngày 21/10/2023)</p>	<p>Đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng</p> <p>Thường sử dụng từ ngữ có sắc thái trang nghiêm, tôn kính, tao nhã,...</p>	<p>Ngữ liệu a</p> <p><i>nguồn sống rào rạt, chốn nước non lặng lẽ, say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, tận hưởng nồng nàn, tha thiết,...</i></p>	<p>Ngữ liệu b</p> <p><i>phong cách, giá trị thẩm mỹ, phong cách trường phái, phong cách thời đại, quan niệm, đề tài, tư tưởng, cảm hứng,...</i></p>	<p>Ngữ liệu c</p> <p><i>sự tương đồng, điểm khác biệt, phong vị cổ điển, phong cách thơ cổ điển, tính hiện đại</i></p>	<p>Ngữ liệu d</p> <p><i>Kính chào quý vị, theo dõi, bản tin cuối ngày, Đài truyền hình Việt Nam</i></p>
<p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc nhóm, thực hiện các bài tập ở phần Thực hành tiếng Việt,</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).</p>	<p>Không dùng tiếng lóng, khẩu ngữ</p>	<p>Bốn ngữ liệu không có tiếng lóng, khẩu ngữ.</p>			
<p>Bước 4. Kết luận, nhận định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận. - GV nhận xét, kết luận đáp án đúng của các bài tập. <p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi hoàn</p>	<p>Thường sử dụng câu có cấu trúc đầy đủ, rõ ràng</p>	<p>Các câu trong bốn ngữ liệu có cấu trúc đầy đủ, rõ ràng.</p>			
<p>Bài tập 2: Nhận xét về ngôn ngữ của hai nhân vật</p>					

thành **Bài tập 2, 3/ SGK trang 18.**

Dãy 1: Bài tập 2: Nhận xét về ngôn ngữ của hai nhân vật Tuấn và Quỳnh trong đoạn trích sau:

Tuấn và Quỳnh đợi cụ Phan vào trước và theo sau cụ. Sau khi ngồi, cụ hỏi:

- Hai cậu học ở Trường Quốc học?

Tuấn đáp:

- Dạ thưa cụ, con ở xa mới tới Huế lần đầu tiên, đến hầu thăm cụ. Thấy cụ được khỏe mạnh con rất mừng.

Cụ hỏi Quỳnh:

- Còn cậu nì?

- Thưa cụ, con học trường Pe-ơ-ranh.

(Nguyễn Vũ, Tuấn - chàng trai nước Việt)

Dãy 2: Bài tập 3: Trong các trường hợp sau, ngôn ngữ người nói/ người viết sử dụng có phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp không? Dựa vào đâu bạn nhận xét như vậy?

a. Chào thầy cô và các bạn. Mình rất vui khi được đại diện cho các bạn học sinh khối 12 phát biểu ý kiến trong buổi lễ tổng kết ngày hôm nay.

(Hoàn cảnh giao tiếp: Học sinh phát biểu trong Lễ Tổng kết năm học)

b. Mình thấy Thúy Kiều là một người con gái đa tài và đẹp ơi là đẹp nhưng lại bị xã hội phong kiến vùi dập, đọa đày.

(Hoàn cảnh giao tiếp: Bài làm của học sinh trong một kì thi, kiểu văn bản nghị luận văn học)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, thực hiện các bài tập ở phần Thực hành tiếng Việt, trao đổi với bạn cùng nhóm đôi.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận.

- GV nhận xét, kết luận đáp án đúng của các bài tập.

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: HS làm việc cá nhân hoàn thành **Bài tập 4/ SGK**

Tuấn và Quỳnh trong đoạn trích:

- Sử dụng từ ngữ có sắc thái trang nghiêm, tôn kính: *dạ, đến hầu thăm cụ, thưa cụ,...*

- Sử dụng cách xưng hô phù hợp đối với người có tuổi tác, vị trí cao hơn: *cụ - con.*

- Sử dụng câu có cấu trúc đầy đủ, rõ ràng (thể hiện ở hai câu trả lời của Tuấn và Quỳnh).

Bài tập 3:

a. Ngôn ngữ người nói sử dụng chưa phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Lí do: Người nghe ở đây không chỉ có các bạn mà có cả thầy, cô giáo. HS chỉ sử dụng từ “chào” (không có chủ ngữ hoặc từ ngữ thể hiện sự kính trọng) với thầy cô là không thể hiện sự tôn kính dành cho người lớn tuổi và có vị trí cao hơn mình (nên thay bằng từ ngữ “kính chào”). Ngoài ra, HS sử dụng từ xưng hô (“mình”) chưa phù hợp vì như trên đã nói, người nghe ở đây không chỉ có những người ngang hàng mà còn có cả những người có tuổi tác, vị trí cao hơn HS.

b. Ngôn ngữ người viết sử dụng chưa phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp, người viết sử dụng từ ngữ xưng hô chưa phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp (“mình”), sử dụng khẩu ngữ (“đẹp ơi là đẹp”). Lí do: Đây là bài làm văn nghị luận văn học (kiểu bài nghị luận văn học) của HS trong kì thi nên HS cần sử dụng ngôn ngữ nghiêm túc, khách quan; tránh sử dụng khẩu ngữ.

Bài tập 4: Khi trình bày kết quả nghiên cứu trong một cuộc thi nghiên cứu khoa học, cần sử dụng ngôn ngữ chính xác, khách quan; diễn đạt rõ ràng, trong sáng; không sử dụng tiếng lóng, khẩu ngữ; sử dụng câu có cấu trúc đầy đủ, rõ ràng. Nói cách khác, HS cần sử dụng ngôn ngữ trang trọng khi trình bày kết

trang 18: Khi trình bày kết quả nghiên cứu trong một cuộc thi nghiên cứu khoa học, bạn cần lưu ý những gì về việc sử dụng ngôn ngữ?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ, thực hiện các bài tập ở phần Thực hành tiếng Việt, trao đổi với bạn cùng nhóm đôi.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận.
- GV nhận xét, kết luận đáp án đúng của các bài tập.

quả nghiên cứu trong một cuộc thi nghiên cứu khoa học

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành vận dụng liên hệ.

b. Nội dung: HS tiếp nhận nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Sản phẩm của HS

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: HS làm việc cá nhân ở nhà thực hiện Câu hỏi (trang 18 SGK Ngữ văn 12 Tập 1): Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ, sử dụng ngôn ngữ trang trọng) chia sẻ cảm nhận của bạn về nét độc đáo của một bài thơ được viết theo phong cách cổ điển hoặc lãng mạn mà bạn yêu thích.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS ghi chú cách thực hiện bài tập *Từ đọc đến* viết SGK trang 18 theo hướng dẫn trong bảng sau:

Hình thức	Đảm bảo yêu cầu về hình thức của một đoạn văn.
Dung lượng	Khoảng 200 chữ.
Đề tài	Chia sẻ cảm nhận về nét độc đáo của một bài thơ được viết theo phong cách cổ điển hoặc lãng mạn mà bạn yêu thích.

Đoạn văn tham khảo

Huy Cận là một trong những tác giả xuất sắc nhất trong phong trào thơ mới. Thơ ông rất giàu chất suy tưởng, triết lí, luôn thể hiện sự giao cảm giữa con người và vũ trụ. Tràng giang là một trong những bài thơ tiêu biểu của tác giả, thể hiện đầy đủ tư tưởng và phong cách thơ của nhà thơ. Âm điệu chung của toàn bộ bài thơ Tràng Giang là một âm điệu trầm buồn, sâu lắng và kéo dài triền miên. Sự cô đơn trống trải thấm đượm vào cả cảnh vật và trong lòng tác giả “*người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*”. Bài thơ Tràng Giang mang một vẻ đẹp cổ điển bởi nhiều từ ngữ và hình ảnh sử dụng trong bài thơ mang tính ước lệ, cổ kính: thuyền về, nước lại, bến cô liêu, mây cao đùn núi bạc, bóng chiều sa, khói hoàng hôn... Đây là những từ ngữ và hình ảnh thường được sử dụng trong thơ cổ và đậm chất Đường thi. Tuy nhiên bài thơ vẫn rất gần gũi quen thuộc bởi vì Huy Cận cũng sử dụng những hình ảnh vô cùng quen thuộc với mỗi con người Việt Nam: Thuyền, đò, củi khô, sông nước, bè trôi... Tất cả những chi tiết trên hòa quyện với nhau tạo nên một bài thơ đơn sơ nhưng lại tinh tế, cổ điển nhưng cũng vô cùng bình dị và thân thuộc. Bài Tràng

Yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng ngôn ngữ trang trọng. - Diễn đạt mạch lạc; có sự liên kết về mặt nội dung và hình thức; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu. 	<p>giang đã thể hiện nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương đến da diết của nhà thơ. Đứng trước cảnh thiên nhiên rộng lớn, nhà thơ đã tức cảnh mà sinh tình, đó là tình cảm chân thành với quê hương đất nước của nhà thơ. Với cách tiếp cận với những vấn đề gần gũi trong cuộc sống, Tràng giang đã trở thành một sáng tác tiêu biểu của văn học Việt Nam.</p>
Thời điểm báo cáo sản phẩm	Tiết <i>Ôn tập</i> .	

Bước 3. Báo cáo thảo luận: HS nêu ra những câu hỏi về cách thực hiện bài tập (nếu có).

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV trả lời những câu hỏi của HS (nếu có), dặn dò HS thực hiện hoàn chỉnh bài tập ở nhà và chuẩn bị báo cáo sản phẩm trong tiết học sau.

4. Củng cố:

- Nắm được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng;
- Vận dụng được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng vào quá trình giao tiếp.

5. HDVN: Hoàn thiện các bài tập SGK.

HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY KẾT QUẢ TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Gv soạn: Nguyễn Thị Bích Hạnh
 Trường: TH- THCS - THPT Song Ngữ Lạc Hồng, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

- a. **Mục tiêu:** Trình bày kết quả thực hiện bài tập từ đọc đến viết
- b. **Sản phẩm:** Kết quả thực hiện bài tập của học sinh, phần trình bày của học sinh
- c. **Tổ chức thực hiện**

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm 4-6 người. NV1: Sắp xếp các ý lộn xộn sau đây thành một trình tự hợp lí cho viết đoạn văn chia sẻ cảm nhận về nét độc đáo của một bài thơ nói chung.</p> <p>(1) Khẳng định lại vai trò của những nét độc đáo đó trong việc làm nên giá trị bài thơ</p>	<p>3. Bài tập từ đọc đến viết: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ, sử dụng ngôn ngữ trang trọng) chia sẻ cảm nhận của bạn về nét độc đáo của một bài thơ được viết theo phong cách cổ điển hoặc lãng mạn mà bạn yêu thích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập dàn ý khái quát: Trình tự (2) – (3) – (1) - Viết đoạn: CHIỀU XUÂN (Anh Thơ)
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

(2) Giới thiệu tác giả, giới thiệu bài thơ, khẳng định bài thơ có nhiều nét độc đáo.

(3) Cảm nhận và phân tích các nét độc đáo của tác phẩm: Bài thơ Độc đáo chỗ nào? (Nội dung, nghệ thuật). Vì sao độc đáo?

NV2: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ, sử dụng ngôn ngữ trang trọng) chia sẻ cảm nhận của bạn về nét độc đáo của một bài thơ được viết theo phong cách cổ điển hoặc lãng mạn mà bạn yêu thích.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Các nhóm nhận diện cấu trúc đoạn văn cảm nhận nét độc đáo, ghi trình tự hợp lí lên bảng trong thời gian 1 phút.
- Học sinh chọn tác phẩm, lập dàn ý chi tiết (thời gian 5 phút) cho đoạn văn đảm bảo các ý sau:

Hình thức	Đảm bảo yêu cầu về hình thức của một đoạn văn.
Dung lượng	Khoảng 200 chữ.
Đề tài	Chia sẻ cảm nhận về nét độc đáo của một bài thơ được viết theo phong cách cổ điển hoặc lãng mạn mà bạn yêu thích.
Yêu cầu	- Sử dụng ngôn ngữ trang trọng. - Diễn đạt mạch lạc; có sự liên kết về mặt nội dung và hình thức; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.

- Viết cá nhân: Tại lớp dựa trên dàn ý của nhóm viết đoạn trong thời gian 5 phút. (không yêu cầu viết xong đoạn). Về nhà viết phần còn lại của đoạn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV quay số chọn ngẫu nhiên 1-3 bạn đọc kết quả viết mở đoạn.

*Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng,
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi
Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng
Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.*

*Ngoài đường đê cỏ non tràn biếc cỏ
Đàn sáo đen sà xuống mỏ vu vơ;
Mấy cánh bướm rập rờn trôi trước gió,
Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa.*

*Trong đồng lúa xanh rờn và ướt lặng,
Lũ cò con chóc chóc vụt bay ra,
Làm giật mình một cô nàng yếm thắm
Cúi cổ cào cỏ ruộng sắp ra hoa.*

Bài thơ "Chiều xuân" của nữ sĩ Anh Thơ thực sự là một tác phẩm tinh tế, đẹp đẽ, chứa đựng nhiều cảm xúc sâu sắc về quê hương và vẻ đẹp của chiều xuân. Trong thi phẩm, độc giả bắt gặp một bức tranh thiên nhiên bình dị, quen thuộc, thơ mộng: mưa bụi, bến vắng, con đò, dòng sông, quán tranh, hoa xoan, con đê, đàn sáo, trâu bò, đồng lúa ... Bức tranh ấy tĩnh lặng, thanh nhã, tươi tắn nhưng cũng phảng phất nỗi buồn. Nỗi buồn ấy được gợi ra với trạng thái nhẹ nhàng, khoan thai của các sự vật trong khung cảnh mùa xuân: mưa đổ bụi êm êm, đàn sáo...vu vơ, cánh bướm rập rờn, trâu bò thong thả...Không khí tĩnh lặng, băng khuâng bao trùm: quán đứng im lìm, đồng lúa ướt lặng, trâu bò thong thả cúi ăn mưa,...Thế nhưng bên cạnh nét buồn ấy, sắc màu chủ đạo trong bài thơ vẫn là sự tươi tắn, giàu sức của tạo vật: màu tím hoa xoan, màu đen của đàn sáo, màu rực rỡ của cánh bướm, màu xanh rờn của đồng lúa, màu thắm đỏ của chiếc yếm. Điểm nhấn độc đáo nhất trong bức tranh là các hình ảnh: mưa đổ bụi, trâu bò cúi ăn mưa; cô nàng yếm thắm đang lao động chột giật mình khi đàn cò con bay ra ... bởi đó là linh hồn của làng quê Bắc Bộ ngày xuân với những nét đẹp đặc trưng không thể nhầm lẫn. "Chiều xuân" là đứa con tinh thần của nữ sĩ thuộc phong trào thơ Lãng mạn đầu thế kỉ XX nhưng bài thơ vẫn mang chút phong vị cổ điển khi nhà thơ đã vận dụng thành công bút pháp lấy

<p>- Các HS khác lắng nghe, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>-GV nhận xét và chốt kiến thức phần mở đoạn.</p> <p>- Dặn dò: hoàn thiện đoạn để trình bày trong tiết Ôn tập.</p>	<p>động tả tĩnh thường gặp trong Thơ trung đại. Đó là cái giật mình của cô gái khi đàn cò con bay ra. Tĩnh lặng đến mức chỉ một chuyển động khẽ cũng đủ khiến người ta giật mình. Cùng với nhịp thơ chậm rãi khoan thai, nghệ thuật: nhân hoá, liệt kê, hệ thống từ láy gợi cảm ...thi nhân đã thành công miêu tả vẻ đẹp chiều xuân bình dị, đơn sơ mộc mạc của làng quê Bắc Bộ, qua đó gửi gắm và gieo vào lòng người đọc tình yêu làng quê, đất nước sâu sắc và thiết tha.</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn vận dụng từ đọc đến viết:

ST T	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 200 chữ.	
2	Đoạn văn đúng yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ, sử dụng ngôn ngữ trang trọng) chia sẻ cảm nhận của bạn về nét độc đáo của một bài thơ được viết theo phong cách cổ điển hoặc lãng mạn mà bạn yêu thích.	
3	Có câu chủ đề.	
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.	
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
6	Đoạn văn có sử dụng ngôn ngữ trang trọng	

Tiết : ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI
TIẾNG THU – LƯU TRỌNG LƯ
 (Thời gian: 0,5 tiết)

Gv soạn: **Trần Ngọc Lan Anh**
 Trường: **THPT Việt Âu, TP HCM.**

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

***Học sinh:**

- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các tác phẩm thơ trữ tình tiêu biểu.
- Biết đánh giá, phê bình VB dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc. – Vận dụng được kiến thức về lịch sử văn học và kỹ năng tra cứu để sắp xếp một số tác phẩm, tác giả lớn theo tiến trình lịch sử văn học; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.

Học sinh phân tích tác dụng nghệ thuật của bài thơ trong việc thể hiện vẻ đẹp đặc trưng của bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong bài thơ.

***Học sinh xác định** được chủ thể trữ tình, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

***Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để đọc hiểu văn bản

2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

3. Về phẩm chất: Yêu mến vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước, sự giao hòa giữa con người và sự thay đổi của tự nhiên, sự ngợi ca, yêu thương cảnh vật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ GV đặt câu hỏi: Hãy kể tên và nêu cảm nghĩ về một bài thơ viết về mùa thu mà em đã học?	
❖ HS suy nghĩ và trả lời ra giấy.	

<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên đặt câu hỏi.</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời.</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ.</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên gợi dẫn vào bài học.</p>	<p>Gợi ý câu trả lời: Tùy thuộc câu trả lời của HS.</p>
<p>2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI</p> <p>a. Mục tiêu hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Học sinh liệt kê được các hình ảnh, chi tiết tiêu biểu làm nên nét riêng của bức tranh mùa thu. ❖ Học sinh phân tích tác dụng nghệ thuật của bài thơ trong việc thể hiện vẻ đẹp đặc trưng của bức tranh mùa thu. ❖ Học sinh xác định được chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ, tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài thơ. <p>b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học về chủ đề, thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu bài tập tìm hiểu về tác phẩm.</p>	
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên hướng dẫn HS đọc VB để trả lời các câu hỏi trong phần sau khi đọc. (GV chia thành 5 nhóm để trả lời 5 câu hỏi) – sd phiếu HT(Thời gian cho mỗi nhóm là 5 phút)</p> <p>Câu hỏi 1.(Nhóm 1) Xác định chủ thể trữ tình của bài thơ và cho biết chủ thể ấy xuất hiện theo dạng thức nào (có từ nhân xưng rõ ràng, hóa thân vào nhân vật, một chủ thể ẩn)</p> <p>Câu 2.(Nhóm 2) Bạn hiểu thế nào về nhan đề Tiếng thu? Bài thơ là lời của ai nói với ai, nói về điều gì và bằng thái độ giọng điệu như thế nào?</p>	<p>* Mang chủ thể trữ tình (không được chỉ định rõ ràng thông qua từ nhân xưng hay hóa thân vào nhân vật cụ thể) và xuất hiện dưới dạng một chủ thể ẩn.</p> <p>* Nhan đề Tiếng thu nhấn mạnh sự tĩnh lặng và thanh âm đặc biệt của mùa thu.</p> <p>- Bài thơ không cụ thể ai nói với ai, người đọc có thể tưởng tượng tùy theo cảm nhận cá nhân.</p>

Câu 3.(Nhóm 3): Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Nêu một số biểu hiện về sự phù hợp giữa các yếu tố hình thức như thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... với chủ đề và cảm hứng chủ đạo của tác phẩm.

Câu 4. (nhóm 4): Tiếng thu được sáng tác theo phong cách nào? Nêu một số biểu hiện của phong cách sáng tác được thể hiện qua văn bản?

Câu 5. (Nhóm 5): Tìm đọc bài thơ Thu vịnh (Nguyễn Khuyến). Chỉ ra và lí giải sự khác biệt giữa hai bài Thu vịnh và Tiếng thu ở các khía cạnh sau:
a. Cách cảm nhận và gợi tả bức tranh mùa thu.

- Bài thơ tập trung miêu tả hình ảnh và cảm nhận về mùa thu. Sử dụng ngôn ngữ trữ tình và lãng mạn.

- Thái độ giọng điệu nhẹ nhàng sâu lắng.

* Bài thơ được sáng tác theo thể thơ tự do.

- Sự phù hợp giữa các yếu tố trên và chủ đề chủ đạo của bài thơ:

+ Từ ngữ và hình ảnh: từ ngữ tinh tế, lãng mạn, mang lại cảm giác tĩnh lặng.

+ Biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ tăng hiệu ứng và truyền đạt cảm xúc rõ nét hơn.

+ Cấu trúc tự do tạo dự linh hoạt, dễ tạo cảm xúc, không quá cứng nhắc nhưng vẫn cân đối.

* Được sáng tác theo phong cách trữ tình lãng mạn.

- Biểu hiện qua:

+ Tình cảm sâu lắng được thể hiện trong bài.

+ Sử dụng ngôn ngữ trữ tình.

+ Sử dụng hình ảnh tưởng tượng.

a. Cách cảm nhận và gợi tả bức tranh mùa thu.

- Trong Thu Vịnh, mùa thu được miêu tả qua hình ảnh tương sáng và rục rờ. Sử dụng ngôn ngữ tươi sáng và màu sắc sống động.

- Trong Tiếng thu, mùa thu được miêu tả qua hình ảnh yên bình và tĩnh lặng. Sử dụng ngôn ngữ êm dịu tạo ra không gian yên bình và lắng đọng tạo ra cảm giác thanh tịnh, thư thái của mùa thu.

b. Cách thể hiện tình cảm, tâm trạng của chủ thể trữ tình.

<p>b. Cách thể hiện tình cảm, tâm trạng của chủ thể trữ tình.</p> <p>Bước 2: (gv sử dụng phiếu học tập cho 5 nhóm trả lời câu hỏi): Đánh giá nghệ thuật của bài thơ “ Tiếng thu”?(thời gian thực hiện 5 phút)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trong Thu Vịnh, tình cảm của chủ thể là sự lưu luyến, tiếc nuối thời gian đã trôi qua. Có sự nhìn nhận, suy nghĩ về những kỉ niệm đi qua cuộc đời. Bài thơ mang hi vọng và sự sống động của sự thay đổi. - Trong bài thơ Tiếng thu, tình cảm của chủ thể trữ tình được thể hiện qua sự trầm tư, lưu luyến những kỉ niệm đã lụi tàn và vẫn còn in sâu trong lòng. - Tác giả sử dụng toàn thanh bằng ở câu đầu khổ 1 và câu đầu khổ 3. - Cú pháp của bài thơ góp phần biểu hiện “ tiếng thu”: nhà thơ dùng 3 câu hỏi ở cuối 3 khổ thơ. - Cấu trúc của bài thơ: Số dòng trong mỗi khổ thơ tăng dần. cùng với đó là cách gieo vần bằng các từ láy ở cuối câu thơ đã liên kết các câu trong khổ thơ, các khổ thơ trong bài thơ.
<p>Bước 3(thời gian thực hiện 8 phút – sử dụng phiếu HT): Khái quát lại những biểu hiện của phong cách lãng mạn?</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Thể hiện những cảm xúc tinh tế về âm thanh của mùa thu: đó là những âm thanh không chỉ được lắng nghe bằng thính giác, mà phải nghe bằng trí tuơngr tượng, bằng sự rung động của tâm hồn con người. -Thể hiện rõ cá tính sáng tạo của tác giả: phá cách về cấu trúc khổ thơ(các khổ thơ không đều nhau về số câu), phá cách về thanh điệu(những câu thơ toàn thanh bằng), sử dụng các câu hỏi để cấu trúc nên 1 khổ thơ, gieo vần liên bằng các từ láy... Tất cả tạo nên tính nhạc, tạo nên sự ngân nga âm thầm mà bền bỉ của bài thơ trong lòng người đọc.

Phụ lục. Rubric thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm	1 điểm	2 điểm

	Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả. Sai lỗi chính tả.	Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu. Trình bày cẩn thận. Không có lỗi chính tả.	Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu. Trình bày cẩn thận. Không có lỗi chính tả. Có sự sáng tạo.
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn. Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao.	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm. Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo.
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

**Tiết : VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ
HAI TÁC PHẨM THƠ**

(Thời gian: 02 tiết).

**Gv soạn: Nguyễn Thị Quý
Trường: THPT Yên Dũng số 1, Bắc Giang.**

I. MỤC TIÊU DẠY HỌC

1. Về kiến thức

- Kỹ năng viết kiểu bài so sánh đánh giá hai tác phẩm thơ.

2. Về năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Nhận diện các yêu cầu đối với kiểu bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- Biết viết VB đúng quy trình: Chuẩn bị viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa.
- Viết được VB nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ trữ tình.

1.2. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thể hiện qua kỹ năng làm việc nhóm.
- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

3. Phẩm chất

Tôn trọng sự khác biệt trong phong cách cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, micro, bảng, phấn,...

2. Học liệu: SGK, SGV,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

Nội dung 1: XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ VIẾT

a. Mục tiêu: Xác định được nhiệm vụ viết của bài học.

b. Nội dung: HS trả lời cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT cần thực hiện.

d. Tổ chức thực hiện:

<i>Hoạt động của Gv và Hs</i>	<i>Dự kiến sản phẩm</i>
<p>B1. Giao nhiệm vụ HT: HS đọc lướt tên đề mục phần kĩ năng Viết, khung Tri thức về kiểu bài (SGK, tr. 20), trả lời câu hỏi: Dựa vào tên đề mục phần kĩ năng Viết và nội dung phần Tri thức về kiểu bài, cho biết ở bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ HT: HS làm việc cá nhân, đọc nội dung và tìm câu trả lời.</p> <p>B3. Báo cáo, thảo luận: 1 – 2 HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ HT sẽ thực hiện.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ HT: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.</p>	<p>Nhiệm vụ viết của tiết học :</p> <p>Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.</p>

Nội dung 2: XÁC ĐỊNH TÌNH HUỐNG GIAO TIẾP KHI THỰC HIỆN VIẾT BÀI

a. Mục tiêu: Trình bày được tình huống giao tiếp khi thực hiện bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

b. Nội dung: Hs trả lời các câu hỏi về tình huống cần viết kiểu bài này

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về tình huống giao tiếp cần viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Giao nhiệm vụ HT: Nhóm 2 HS thảo luận về câu hỏi: Trong những tình huống nào thì cần viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ?

B2. Thực hiện nhiệm vụ HT: Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.

B3. Báo cáo, thảo luận: Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày câu trả lời, các nhóm khác góp ý, bổ sung hoặc tất cả các nhóm cùng dán/ đính câu trả lời lên bảng phụ.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và gợi ý một số tình huống:
- Viết bài để tham dự thi cuộc thi viết.
- Viết bài viết chuẩn bị cho buổi thuyết trình/ trao đổi ở câu lạc bộ sách/ câu lạc bộ văn học nghệ thuật của trường,...

HOẠT ĐỘNG 2 HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU VỀ KIỂU BÀI

a. Mục tiêu: Trình bày được yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

b. Nội dung: Hs hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời trên PHT của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhóm 2 HS hoàn thành PHT sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Yêu cầu của kiểu bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

Câu 1: Trình bày bố cục của kiểu bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

Mở bài	
Thân bài	
Kết bài	

Câu 2: Khi viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ cần lưu ý những gì để đáp ứng yêu cầu về kiểu bài?

.....

.....

B2. Thực hiện nhiệm vụ HT: Nhóm 2 HS hoàn thành PHT số 1.

B3. Báo cáo, thảo luận: 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV góp ý cho câu trả lời của HS và nhắc lại yêu cầu đối với kiểu bài văn nghị luận về một kịch bản văn học hoặc một bộ phim theo các gợi ý sau:

Câu 1:

- Mở bài: Giới thiệu hai tác phẩm thơ và nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá.
- Thân bài: Phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ điểm tương đồng, khác biệt về đặc điểm/giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm thơ.
- Kết bài: Khẳng định lại đặc điểm thể loại của tác phẩm; những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm; nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả.

Câu 2: Một số lưu ý khi viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ:

- Về nội dung: Chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm theo yêu cầu của đề bài; kết hợp so sánh với nhận xét, đánh giá về giá trị của hai tác phẩm; phân tích sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm.
- Về hình thức: Đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài nghị luận như: sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; lập luận chặt chẽ; sắp xếp luận điểm, lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí; diễn đạt mạch lạc;...

Nội dung 2. ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích ngữ liệu tham khảo.

b. Nội dung: Hs thảo luận và trả lời cá nhân.

c. Sản phẩm: Các câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài thông qua việc phân tích ngữ liệu tham khảo.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Giao nhiệm vụ HT: GV trình chiếu ngữ liệu tham khảo (SGK, tr. 20 – 21) theo từng đoạn, HS đọc thầm, đối chiếu những phần được đánh số và khung chứa thông tin tương ứng. Sau đó, HS thảo luận để trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB.

Lưu ý: GV có thể thiết kế PHT để HS trả lời câu hỏi phân tích ngữ liệu tham khảo theo mẫu sau:

Yêu cầu đối với kiểu bài	Phân tích ngữ liệu tham khảo

B2. Thực hiện nhiệm vụ HT: Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.

B3. Báo cáo, thảo luận: Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày câu trả lời trước lớp.

B4. *Đánh giá kết quả thực hiện*: GV nhận xét câu trả lời của các nhóm HS theo định hướng:

Câu 1: Phân tích để làm rõ phần mở bài, thân bài, kết bài của ngữ liệu đã đáp ứng yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ như thế nào.

Yêu cầu đối với kiểu bài	Phân tích ngữ liệu tham khảo
<p>Mở bài: Giới thiệu hai tác phẩm thơ và nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá.</p>	<p>– Giới thiệu tên, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác hai tác phẩm thơ cần so sánh, đánh giá: <i>Giang tuyết</i> (Liễu Tông Nguyên) và <i>Mộ</i> (Hồ Chí Minh).</p> <p>– Giới thiệu được vấn đề cần so sánh, đánh giá: Phong vị cổ điển trong bài thơ <i>Giang tuyết</i> (Liễu Tông Nguyên) và tính hiện đại trong bài thơ <i>Mộ</i> (Hồ Chí Minh).</p>
<p>Thân bài: Phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ điểm tương đồng, khác biệt về đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm thơ.</p>	<p>– Phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ điểm tương đồng, khác biệt của hai tác phẩm thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm tương đồng: <i>đề tài, thi liệu và thủ pháp, thể thơ.</i> + Điểm khác biệt: Bài <i>Giang tuyết</i> mang phong vị <i>cổ điển</i> với đầy đủ ý nghĩa của phong cách thơ cổ điển Trung Hoa; còn <i>Mộ</i> là bài thơ <i>kết hợp giữa phong vị cổ điển và tính hiện đại</i>. Điểm khác biệt này được làm rõ trên hai phương diện là <i>chủ thể trữ tình và cách sử dụng nhãn tự.</i> <p>– Đánh giá phong cách sáng tác của mỗi tác phẩm.</p>
<p>Kết bài: Khẳng định lại đặc điểm thể loại của tác phẩm; những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm; nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả.</p>	<p>– Khẳng định lại những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm: Bài <i>Giang tuyết</i> tiêu biểu cho phong cách cổ điển, bài <i>Mộ</i> tiêu biểu cho phong cách hiện đại (kết hợp giữa cổ điển và lãng mạn).</p> <p>– Nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của hai tác giả: Mỗi tác giả đều có phong cách sáng tác độc đáo, không chỉ mang dấu ấn cá nhân của nhà thơ mà còn mang dấu ấn của phong cách sáng tác thời đại.</p>

Câu 2: Các luận điểm ở phần thân bài được sắp xếp theo trật tự: nêu điểm tương đồng trước, điểm khác biệt sau; nhằm làm rõ sự khác biệt về phong cách sáng tác của hai tác phẩm.

– Luận điểm 1: Điểm tương đồng giữa hai tác phẩm trên các phương diện: đề tài, thi liệu và thủ pháp, thể thơ.

– Luận điểm 2: Điểm khác biệt giữa hai tác phẩm trên các phương diện: chủ thể trữ tình và cách sử dụng nhân tự.

Câu 3: Trong từng luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có sự kết hợp chặt chẽ, các bằng chứng được lựa chọn, phân tích để củng cố, làm rõ cho cho lí lẽ. Ví dụ, khi so sánh để làm rõ sự khác biệt về cách sử dụng nhân tự của hai tác phẩm, người viết đã phân tích chữ “hàn” (*Giang tuyết*) và từ “hồng” (*Mộ*) để làm rõ, củng cố cho lí lẽ.

Câu 4: HS tự do trả lời câu hỏi. Nếu HS chưa trả lời được, GV có thể đặt câu hỏi gợi ý (dựa vào *Tri thức về kiểu bài*) để hướng dẫn HS.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

1.1. Chuẩn bị viết: xác định mục đích, đối tượng và đề tài

a. Mục tiêu: Xác định được đề tài (hai tác phẩm thơ cần so sánh, đánh giá), mục đích viết, người đọc và cách thu thập tư liệu.

b. Nội dung: HS trả lời cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về đề tài, mục đích viết, người đọc và cách thu thập tư liệu.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Giao nhiệm vụ HT: HS đọc đề bài (SGK, tr. 23). Sau đó, trả lời các câu hỏi sau:

– *Bạn sẽ chọn so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ nào? Vì sao bạn chọn tác phẩm ấy?*

– *Với đề bài này, bạn sẽ viết bài văn cho ai đọc, nhằm mục đích gì?*

– *Với đối tượng và mục đích ấy, bạn dự định sẽ chọn nội dung và hình thức trình bày như thế nào cho phù hợp?*

– *Tư liệu tham khảo có thể bao gồm những nguồn nào? Có thể tìm được ở đâu?*

B2. Thực hiện nhiệm vụ HT: HS làm việc cá nhân và suy nghĩ câu trả lời.

B3. Báo cáo, thảo luận: Đại diện 1 – 2 HS trình bày câu trả lời trước lớp.

B4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời của HS.

1.2. Hoạt động làm mẫu thao tác quy trình viết

Lưu ý: Tùy theo trình độ của người học, đặc điểm kiểu bài mà GV chọn làm mẫu kĩ năng viết phù hợp. GV có thể làm mẫu thao tác *so sánh* ở phần thân bài.

a. Mục tiêu: Rút ra được cách thực hiện thao tác trong quy trình viết (ví dụ: thao tác so sánh).

b. Nội dung: HS thảo luận và trả lời theo nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về thao tác (so sánh).

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Giao nhiệm vụ HT: GV dùng kĩ thuật nói to suy nghĩ để làm một mẫu thao tác trong quy trình viết (so sánh), HS quan sát cách GV thực hiện và rút ra đã các bước thực hiện (so sánh).

B2. Thực hiện nhiệm vụ HT: Nhóm 2 HS quan sát, ghi chép thao tác GV thực hiện.

B3. Báo cáo, thảo luận: Đại diện 2 – 3 HS trình bày câu trả lời. Các nhóm khác bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại cách thực hiện thao tác (so sánh):

- Xác định đối tượng cần so sánh.
- Tìm hiểu đặc điểm của từng đối tượng.
- Lần lượt đối chiếu điểm tương đồng hoặc khác biệt của hai đối tượng.

1.3. Tìm ý, lập dàn ý

a. Mục tiêu: Biết cách tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

b. Nội dung: Hs thực hiện PHT

c. Sản phẩm: Sơ đồ tìm ý, dàn ý, bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Giao nhiệm vụ HT: HS thực hiện các nhiệm vụ:

(1) Tìm ý dựa trên PHT sau:

PHIẾU TÌM Ý		
Bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ		
1. Đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm thơ:		
Phương diện	Tác phẩm	Tác phẩm
Giá trị nội dung
Giá trị nghệ thuật
2. Điểm tương đồng giữa hai tác phẩm thơ:		
– Điểm tương đồng thứ nhất (lí lẽ + bằng chứng)		
– Điểm tương đồng thứ hai (lí lẽ + bằng chứng)		
–		

3. Điểm khác biệt giữa hai tác phẩm thơ:

– Điểm khác biệt thứ nhất (lí lẽ + bằng chứng)

– Điểm khác biệt thứ hai (lí lẽ + bằng chứng)

–

⇒ Nguyên nhân của sự khác biệt:

.....

4. Đánh giá sự đặc sắc về phong cách sáng tác của hai tác phẩm thơ:

.....

(2) Lập dàn ý dựa trên phiếu tìm ý.

(3) Dựa vào dàn ý để triển khai và viết bài văn, đối chiếu với bảng kiểm kỹ năng viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ (SGK, tr. 25) để đảm bảo đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.

B2. Thực hiện nhiệm vụ HT: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

B3. Báo cáo, thảo luận: Bài viết của HS sẽ được đọc trong tiết *Xem lại và chỉnh sửa* được tổ chức trên lớp sau đó.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV thông báo sẽ đánh giá sản phẩm bài viết của HS dựa vào bảng kiểm kỹ năng viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

1.4. Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện

a. Mục tiêu: Biết cách xem lại và chỉnh sửa bài viết của bản thân và của các bạn khác trong lớp.

b. Nội dung: Hs thực hiện nhiệm vụ theo nhóm

c. Sản phẩm: Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Giao nhiệm vụ HT:

(1) HS trao đổi bài viết cho nhau theo nhóm đôi, dựa vào bảng kiểm kỹ năng viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ để đánh giá, nhận xét bài viết của bạn.

(2) HS đọc bài viết của mình trên lớp, các HS khác nhận xét dựa vào bảng kiểm đã chỉnh sửa.

B2. Thực hiện nhiệm vụ HT:

- (1) HS làm việc theo nhóm đôi để đánh giá bài viết của nhau.
- (2) Cá nhân HS Trước khi đọc bài viết để các HS khác nhận xét.

B3. Báo cáo, thảo luận:

- (1) Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả đánh giá lẫn nhau.
- (2) Đại diện 1 – 2 HS đọc bài viết trước lớp và các HS khác lắng nghe, nhận xét.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét trên hai phương diện:

- Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết.
- Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu: Rút ra được kinh nghiệm khi viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

c. Sản phẩm: Những kinh nghiệm rút ra của HS về cách viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Giao nhiệm vụ HT: HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài văn nghị luận bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

B2. Thực hiện nhiệm vụ HT: HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

B3. Báo cáo, thảo luận: Đại diện 1 – 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được sau khi viết bài văn nghị luận bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV tổng kết, nhận xét, đánh giá, gợi ý thêm một số kinh nghiệm, lưu ý cho HS khi thực hiện viết bài văn nghị luận bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ HT được giao.

- GV và HS tiếp tục sử dụng bảng kiểm kỹ năng viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố (Ví dụ: Nếu bài viết trên trang cá nhân/ trên trang web thì có thể thực hiện thao tác đánh giá bằng cách bình luận, hoặc các nút cảm xúc,...).

Tiết : **NÓI VÀ NGHE**
SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ
 (Thời gian: 01 tiết).

Gv soạn: **Chế Thị Ngọc Hân**

Trường: **THPT Lương Văn Cù, Chợ Mới, An Giang.**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Biết giới thiệu, so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ theo lựa chọn cá nhân.
- Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói. Nhận xét được nội dung và cách thức thuyết trình, biết đặt câu hỏi những điểm cần làm rõ.

2. Về năng lực:

** Năng lực đặc thù*

- **Học sinh ghi nhớ** được các bước thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ
- **Học sinh thực hành** trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

** Năng lực chung*

Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

- ### 3. Về phẩm chất:
- Phẩm chất và tinh thần về công dân số, công dân toàn cầu được rút ra từ tác phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> - Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học. - Xác định được những tình huống giao tiếp sử dụng kỹ năng so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. b. Nội dung thực hiện:	

- ❖ GV hỏi: Trong thực tế cuộc sống, chúng ta sẽ sử dụng kĩ năng so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ trong những tình huống nào?
- ❖ Câu lạc bộ văn học tổ chức giao lưu:
 - Kể tên các bài thơ cùng đề tài: người lính, tình yêu đôi lứa, tình yêu quê hương, thiên nhiên

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV đặt câu hỏi

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ và trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên dẫn dắt vào bài học

– GV ghi nhận các câu trả lời của HS, tạo cho HS tâm thế thoải mái và định hướng những tác phẩm gần nhau, có thể so sánh

- GV dẫn dắt vào bài học, hướng dẫn HS tổng hợp một số tình huống sử dụng kĩ năng so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ: buổi trò chuyện; buổi thuyết trình về một tác phẩm văn học hoặc tác phẩm nghệ thuật; buổi sinh hoạt ngoại khoá, buổi giao lưu văn hoá, buổi trả lời phỏng vấn,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. **Mục tiêu hoạt động:**

- ❖ **Học sinh ghi nhớ** được các bước thuyết trình và so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ theo lựa chọn cá nhân.
- ❖ **Học sinh tự tin trình bày** chia sẻ quan điểm của bản thân

b. **Nội dung thực hiện:**

- ❖ Học sinh đọc thật kỹ các thao tác chuẩn bị nói và nghe
- ❖ Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. **Sản phẩm:** Bài thuyết trình của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kỹ phần nội dung chuẩn bị
- HS đọc và ghi chép lại các thông tin và suy nghĩ của bản thân
- HS thực hành lập dàn ý và nói

Đề bài: Câu lạc bộ văn học của trường bạn tổ chức buổi

1. Học sinh đọc tài liệu và xác định những nội dung cần chuẩn bị nói

Bước 1: Chuẩn bị nói

Hoạt động xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Đề tài: Câu lạc bộ văn học của trường bạn tổ chức buổi tọa đàm với chủ đề Những sắc điệu phong phú của thi ca. Bạn hãy chuẩn bị bài trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ để tham gia buổi tọa đàm.

- **Mục đích nói:** Giúp người nghe nắm bắt một số thông tin chính về đề tài (hai tác phẩm thơ cần so sánh, đánh giá): Giúp họ có thể cập nhật thông tin, chủ động tìm hiểu,

tọa đàm với chủ đề Những sắc điệu phong phú của thi ca. Bạn hãy chuẩn bị bài trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ để tham gia buổi tọa đàm.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hành nói theo chủ đề

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức

thường thức,... Ngoài những mục đích trên, bài nói của bạn còn có mục đích nào khác nữa?

- **Đối tượng người nghe:** Ngoài bạn bè, thầy, cô giáo, trong buổi ngoại khóa bạn còn muốn trình bày bài nói với ai?
- **Không gian và thời gian nói:** Bạn sẽ trình bày bài nói ở đâu và trong thời gian bao lâu?

Hoạt động tìm ý và lập dàn ý

- Trong trường hợp **đề tài bài nói cũng là đề tài bài viết**, bạn có thể **lựa chọn** các **luận điểm**, những **lí lẽ** và **bằng chứng** trong bài viết **cần nhấn mạnh** khi nói; những ý có thể lược bỏ hoặc trình bày ngắn gọn hơn để lập dàn ý cho bài nói.
- Nếu đề tài bài nói khác với đề tài bài viết, bạn cần đọc kĩ hai tác phẩm thơ, tự trả lời những câu hỏi về tìm ý và lập dàn ý theo hướng dẫn ở phần Thực hành viết theo quy trình.

Hoạt động Luyện tập

Khi luyện tập, bạn nên đối chiếu dàn ý bài nói với bảng kiểm. Để phần trình bày đạt hiệu quả tốt nhất, bạn nên:

- Mở đầu ngắn gọn, hấp dẫn, gợi hứng thú; kết thúc ấn tượng, đặc sắc, tạo dư âm.
- Lựa chọn từ ngữ đơn giản, dễ hiểu, sinh động; giải thích rõ những từ ngữ khó.
- Nắm vững bố cục bài trình bày, dùng từ ngữ chuyển tiếp giữa các phần để người nghe dễ theo dõi.
- Trích dẫn một số câu thơ ấn tượng trong tác phẩm để làm rõ nội dung so sánh.
- Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (phương tiện hỗ trợ trình bày, phương tiện ngôn ngữ hình thể) để tăng tính hấp dẫn, sinh động cho bài trình bày.
- Sử dụng một số kĩ thuật như: cách phát âm, sự nhấn mạnh, tốc độ nói, chỗ ngừng nghỉ,...
- Dự kiến một số vấn đề mà người nghe có thể trao đổi.
- Ý tưởng về việc sử dụng phương tiện trực quan hỗ trợ cho bài giới thiệu, ví dụ: máy chiếu; hình ảnh minh họa cho tác phẩm; đoạn phim/ đoạn nhạc được cắt ra từ tác phẩm thơ, trang phục biểu diễn,...

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

Trong vai trò người nghe: Thể hiện thái độ lắng nghe chăm chú, nghiêm túc bằng những tín hiệu không lời (ánh mắt, cái gật đầu, nụ cười,...); nêu rõ những điểm thú vị trong câu chuyện của người nói; phản hồi lịch sự với người nói về những nội dung chưa hiểu rõ, những vấn đề mà bạn cho là chưa hợp lí, chưa đồng tình.

Trong vai trò người nói: Kiên nhẫn chờ đến lượt lời của bạn; tránh chỉ trích gay gắt, trao đổi trên tinh thần xây dựng; tôn trọng ý kiến của người khác; giải thích rõ hơn về những điều mà người nghe chưa hiểu về bài trình bày của bạn hoặc khác quan điểm với bạn (nếu có); cầu thị và ghi chép tóm lược câu hỏi hoặc góp ý của người nghe.

Đánh giá: Tham khảo bảng kiểm

- **Học sinh đọc tài liệu và xác định những nội dung cần chuẩn bị nghe**

Bước 1: Chuẩn bị nghe

Trước khi nghe một bài thuyết trình, bạn nên:

- Tìm hiểu trong sách, báo, Internet về đề tài của bài thuyết trình.
- Suy nghĩ về những gì bạn đã biết và muốn biết thêm về đề tài của bài thuyết trình
- Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép.
- Tìm vị trí thích hợp để có thể theo dõi và tương tác tốt với người thuyết trình.

Bước 2: Lắng nghe và ghi chép

Trong khi nghe thuyết trình, bạn nên:

- Tập trung lắng nghe nội dung thuyết trình để hiểu quan điểm của người nói.
- Tìm kiếm những dấu hiệu ngôn ngữ để nắm bắt nội dung chính của bài thuyết trình và quan điểm của người nói:
 - Các kiểu câu như: Vấn đề thứ nhất là...; Quan điểm của tôi là...; Tôi nghĩ...; Theo tôi...;...
 - Những nội dung mà người nói nhấn mạnh, nói chậm hoặc kết hợp với phương tiện phi ngôn ngữ.
 - Quan sát gương mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người thuyết trình để hiểu quan điểm của họ.

	<ul style="list-style-type: none"> • Dùng các từ khoá, cụm từ, sơ đồ dàn ý,... để ghi chép thông tin chính của bài thuyết trình. Lưu ý sắp xếp thông tin nghe được theo một trật tự logic để hiểu hơn về ý nghĩa của thông tin. • Đánh dấu những nội dung chính, thông tin quan trọng, thú vị bằng bút màu, gạch chân, dấu sao (*),... • Ghi chú những điểm mới mẻ, thú vị về nội dung thuyết trình và cách thức thuyết trình (giọng nói, phong cách, các ví dụ, hình ảnh,...). • Ghi những câu hỏi mà bạn muốn trao đổi với người thuyết trình.
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu: Thực hiện được bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

– Tự đánh giá được với tư cách người nói và đánh giá được bài nói của bạn với tư cách người nghe; rút ra được kinh nghiệm cho bản thân.

– Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

b. Nội dung: Học sinh luyện tập – trình bày bài nói theo nhóm đôi, nhận xét và thuyết trình tại lớp

c. Sản phẩm: Bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ của HS.

- Lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Trước tiên, HS luyện tập theo nhóm bốn để trình bày bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. HS trình bày bài nói của mình cho bạn nghe và góp ý dựa trên bảng kiểm. Sau đó, cá nhân HS trình bày bài nói của mình trước lớp.</p> <p>- Khi nghe bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ của bạn, HS ghi chép tóm tắt nội dung, ghi những câu hỏi muốn trao đổi với người nói.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Nhóm 4 HS luyện tập so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.</p>	<p>Học sinh luyện tập theo nhóm bốn để trình bày bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.</p> <p>Bước 2: Trình bày bài nói</p> <p>Tạo không khí và môi quan hệ gần gũi, thân thiện, lịch sự với người nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu bản thân và khái quát nội dung sẽ trình bày • Sử dụng những cách diễn đạt phù hợp để trình bày, so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ • Sử dụng thẻ ghi chú ghi lại những từ ngữ quan trọng; sắp xếp các thẻ ấy hợp lí để hỗ trợ người nghe theo dõi phần trình bày. • Sử dụng cách xưng hô và các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp, thể hiện sự quan tâm đến

<p>- Cá nhân HS thực hiện việc lắng nghe và ghi chép tóm tắt nội dung, ghi những câu hỏi muốn trao đổi với người nói.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>– Đại diện 1 – 2 HS trình bày bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.</p> <p>– Các HS khác lắng nghe và ghi chép, nêu câu hỏi (nếu có).</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV nhận xét ngắn gọn phần trình bày của các HS và đề nghị HS chuẩn bị cho hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm.</p>	<p>người nghe, mời gọi người nghe tương tác với mình trong khi nói.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trình bày thuyết phục, mạch lạc; tương tác tích cực với người nghe; nói bằng giọng tự tin, rõ ràng, có cảm xúc. <p>Người nghe ghi chú ngắn gọn thông tin và câu hỏi</p>
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>(1) Đối với những HS trình bày bài giới thiệu, HS làm việc cá nhân và dùng bảng kiểm để tự đánh giá kỹ năng so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ theo các gợi ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu hai điều hài lòng về bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ của bản thân. – Nếu được thực hiện lại, bạn sẽ điều chỉnh như thế nào? <p>(2) Đối với những HS là người nghe, HS làm việc theo nhóm đôi và dùng bảng kiểm kết hợp với những nội dung đã ghi chép để đánh giá kỹ năng so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ của bạn theo các gợi ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu hai ưu điểm về bài giới thiệu của bạn mà bản thân có thể học hỏi. – Nêu một điểm bạn có thể điều chỉnh để bài giới thiệu tốt hơn. <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) □ (2).</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p>	<p>Bước 3: Trao đổi, nhận xét, đánh giá</p> <p>Dùng kỹ thuật PMI (plus, minus, interesting) để nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thuyết trình, cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu và khẳng định những điểm tích cực của bài thuyết trình (P): Bài thuyết trình - của bạn đã đem đến cho tôi cách nhìn mới về vấn đề...; Bằng những ví dụ cụ thể, cách trình bày rõ ràng, bạn đã giúp tôi hiểu rõ vấn đề..... – Nêu một hoặc hai điểm hạn chế hoặc cần trao đổi thêm (M) bằng giọng điệu mềm mỏng, bằng cách đặt câu hỏi: Tôi không hoàn toàn đồng ý với quan điểm của bạn, tôi cho là... vì những lí do sau...; Tôi nghĩ rằng, bài thuyết trình của bạn sẽ thú vị hơn nếu...; Bạn có thể giúp tôi làm rõ vấn đề... hay không? ; – Khẳng định sự thú vị của bài thuyết trình (I): Mặc dù còn một vài điểm như trên nhưng có thể nói, bài thuyết trình của bạn rất ấn tượng...; Tôi học được cách trình bày hấp dẫn, thu hút của bạn...; <p>• Khi trao đổi, bạn nên:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trước khi nêu câu hỏi: Nêu điểm tích cực về nội dung và cách thức thuyết trình, xác nhận lại quan điểm của người nói.

(1) Đại diện 2 – 3 HS trình bày kết quả tự đánh giá.

(2) Đại diện 2 – 3 HS trình bày kết quả nhận xét, đánh giá bài nói của bạn. HS được nhận xét có quyền trao đổi, giải thích thêm hoặc nêu thắc mắc cần được giải đáp với người nhận xét nếu muốn; cần đảm bảo cuộc trao đổi diễn ra nhã nhặn, lịch sự, tôn trọng nhau.

(3) Đại diện 1 – 2 HS trình bày những kinh nghiệm rút ra được từ việc thực hiện các nhiệm vụ HT (ví dụ: **những ưu điểm và hạn chế khi** so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ; **những giải pháp khắc phục những điều chưa làm tốt; những giải pháp để nghe và nhận xét tốt hơn;...**).

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

– GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS trên ba mặt sau:

+ Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh về kỹ năng nói.

+ Cách nhận xét, đánh giá kỹ năng so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ của HS.

+ Cách HS lắng nghe và nhận xét, đánh giá bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

– GV giải đáp những câu hỏi, thắc mắc của HS (nếu có).

– Mạnh dạn nêu câu hỏi về những điều chưa rõ. Cần lưu ý hỏi ngắn gọn, mạch lạc, rõ ràng, tránh hỏi quá nhiều hoặc hỏi dồn dập theo kiểu lấn lướt người trình bày.

– Tôn trọng quan điểm của người nói, tránh công kích cá nhân.

Phiếu học tập

Phụ lục 1. Bảng kiểm kỹ năng nói

Bảng kiểm kỹ năng nói – nghe

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Lời chào ban đầu và tự giới thiệu.		
	Giới thiệu khái quát về hai tác phẩm thơ cần so sánh (tên tác phẩm, tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác,...).		

	Nêu khái quát nội dung cần so sánh, đánh giá.		
Thân bài	Trình bày ý kiến so sánh điểm tương đồng của hai tác phẩm thơ.		
	Trình bày ý kiến so sánh điểm khác biệt tương đồng của hai tác phẩm thơ.		
	Thể hiện ý kiến đánh giá của người nói về phong cách sáng tác của hai tác phẩm thơ.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu lấy từ hai tác phẩm thơ.		
Kết bài	Tóm tắt được nội dung so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.		
	Nêu vấn đề thảo luận và mời người nghe phản hồi trao đổi.		
Kỹ năng trình bày diễn đạt	Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.		
	Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Tương tác tích cực với người nghe.		
	Phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

Phụ lục 2. Bài nói tham khảo

Xin chào thầy cô và các bạn, hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau thảo luận và so sánh hai tác phẩm thơ nổi tiếng của văn học Việt Nam: "Tây Tiến" của Quang Dũng và "Đồng chí" của Chính Hữu. Hai tác phẩm này đã làm nổi bật hình tượng người lính hiên ngang, kiên cường nhưng cũng rất đổi mơ mộng, lạc quan, yêu đời.

"Tây Tiến" và "Đồng chí" là hai tác phẩm thơ tiêu biểu cho hình ảnh người lính trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Tuy nhiên, mỗi tác phẩm lại thể hiện những nét riêng biệt về vẻ đẹp của người lính.

Về đề tài: "Tây Tiến" miêu tả hình ảnh đoàn binh Tây Tiến và con người Tây Bắc trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Bài thơ tập trung khắc họa vẻ đẹp hào hùng, lãng mạn và bi tráng của đoàn binh Tây Tiến. "Đồng chí" tập trung miêu tả chân dung người lính trong cuộc kháng chiến chống Pháp với những phẩm chất cao đẹp. Bài thơ thể hiện tình đồng chí, đồng đội keo sơn gắn bó giữa những người lính.

Về cảm hứng: "Tây Tiến" thể hiện cảm hứng lãng mạn, bi tráng. Lãng mạn thể hiện qua vẻ đẹp thiên nhiên, con người Tây Bắc và vẻ đẹp hào hùng của người lính Tây Tiến. Bi tráng thể hiện qua bi kịch hy sinh của đoàn binh Tây Tiến. "Đồng chí" thể hiện cảm hứng hiện thực kết hợp với lãng mạn. Hiện thực thể hiện qua việc khắc họa chân dung người lính giản dị, mộc mạc. Lãng mạn thể hiện qua tình đồng chí, đồng đội keo sơn gắn bó.

Bên cạnh đó về giọng điệu: "Tây Tiến" có giọng điệu đa dạng, khi bi tráng, hào hùng, khi trữ tình, băng khuâng. "Đồng chí" có giọng điệu chủ yếu là bình dị, mộc mạc, gần gũi. Về ngôn ngữ được sử dụng trong thơ: "Tây Tiến" sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh, thể hiện cảm xúc mãnh liệt của tác giả. "Đồng chí" sử dụng ngôn ngữ giản dị, mộc mạc, gần gũi với đời sống của người lính. Trong "Tây Tiến" nhà thơ Quang Dũng sử dụng nhiều hình ảnh thơ hùng vĩ, tráng lệ, thể hiện vẻ đẹp lãng mạn, bi tráng của đoàn binh Tây Tiến. "Đồng chí" thì sử dụng những hình ảnh thơ bình dị, gần gũi, thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người lính.

Cả hai tác phẩm đều thể hiện tình cảm yêu mến, trân trọng đối với người lính. Cả hai tác phẩm đều sử dụng ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, thể hiện cảm xúc mãnh liệt của tác giả. "Tây Tiến" tập trung miêu tả vẻ đẹp hào hùng, lãng mạn và bi tráng của đoàn binh Tây Tiến. "Đồng chí" tập trung miêu tả chân dung người lính giản dị, mộc mạc với những phẩm chất cao đẹp.

"Tây Tiến" và "Đồng chí" là hai tác phẩm thơ xuất sắc của văn học Việt Nam, thể hiện tình cảm yêu mến, trân trọng đối với người lính. Mỗi tác phẩm có những nét đặc sắc riêng, góp phần tô điểm thêm cho bức tranh về người lính trong thơ ca Việt Nam.

Trên đây là phần trình bày so sánh đánh giá hai tác phẩm thơ của em, rất mong nhận được sự nhận xét góp ý của các thầy cô và các bạn.

(Nguồn: Internet)

Phụ lục 3. Bảng kiểm kỹ năng nghe

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
CHUẨN BỊ NGHE	Tìm hiểu thông tin về đề tài thuyết trình		
TRONG KHI NGHE	Quan sát gương mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người thuyết trình		
	Ghi chép tóm tắt nội dung thuyết trình bằng các từ khóa, cụm từ, sơ đồ dàn ý.		
	Đánh dấu những thông tin quan trọng		
	Ghi chú những điểm mới mẻ, thú vị về nội dung và cách thức thuyết trình.		
SAU KHI NGHE	Ghi lại những câu hỏi muốn trao đổi, tranh luận		
	Sử dụng kỹ thuật PMI để nhận xét, đánh giá những ưu điểm, hạn chế của bài thuyết trình về nội dung, cách thức thuyết trình.		
	Có thái độ lịch sự, tích cực khi trao đổi (biết chờ đến lượt mình, xác nhận quan điểm của người nói trước khi trao đổi tôn trọng quan điểm người nói.		

	Trình bày rõ ràng, gãy gọn, mạch lạc vấn đề muốn trao đổi.		
--	------------------------------------------------------------	--	--

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh bàn luận về một vấn đề được đưa ra trong bài nói

b. Nội dung: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp

c. Sản phẩm: Bài nói và nghe của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và thực hiện

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

5. HDVN:

- Ôn tập: *So sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ*
- Soạn văn bản – ôn tập

CHIA SẺ - HỢP TÁC - ĐOÀN KẾT

Tiết : ÔN TẬP

(Thời gian: 0,5 tiết)

Gv soạn: Nguyễn Thị Thủy Tiên**Trường: TH, THCS & THPT Quốc tế Á Châu.****I. MỤC TIÊU****1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

Sau khi học xong bài này, HS vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học trong **bài 1 Những sắc điệu thi ca** để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt: Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất: Ý thức tự giác, tích cực trong học tập, tôn trọng sự khác biệt trong phong cách cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

HS khắc sâu kiến thức nội dung **Bài 1: Những sắc điệu thi ca**

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức trò chơi “*Rung chuông vàng*” hệ thống lại kiến thức trong Bài 1 bằng các câu hỏi.

Câu 1. Bài thơ “Hoàng Hạc lâu” sáng tác theo phong cách nào?

Câu 2. Nêu căn cứ xác định văn bản “*Tràng giang*” thuộc phong cách sáng tác lãng mạn.

Câu 3. Những tác phẩm văn học được sáng tác theo phong cách nào thường sử dụng ngôn ngữ trang trọng?

Câu 4. Nêu cách thực hiện các thao tác khi so sánh trong quy trình viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai bài thơ trữ tình.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS tham gia chơi trò chơi, trả lời các câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, nêu đáp án:

Câu 1: Bài thơ “Hoàng Hạc lâu” sáng tác theo phong cách cổ điển.

Câu 2: Căn cứ xác định văn bản “*Tràng giang*” thuộc phong cách sáng tác lãng mạn là:

+ Cảm xúc của “cái tôi” cá nhân được đề cao, khắc sâu: nỗi buồn triền miên, vô tận được thể hiện trực tiếp qua những từ ngữ, hình ảnh: *buồn điệp điệp, sầu trăm ngả, bến cô liêu,...*

+ Tuy mỗi dòng thơ có bảy chữ nhưng toàn bộ bài thơ không tuân theo khuôn khổ thi luật của thơ luật Đường.

Câu 3: Những tác phẩm văn học được sáng tác theo phong cách cổ điển thường sử dụng ngôn ngữ trang trọng.

Câu 4: Cách thực hiện các thao tác so sánh là:

+ Xác định đối tượng cần so sánh.

+ Tìm hiểu đặc điểm của từng đối tượng.

+ Lần lượt đối chiếu điểm tương đồng hoặc khác biệt của hai đối tượng.

- GV dẫn vào bài “Ôn tập”.

HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP


1. Hoạt động trình bày các câu hỏi ôn tập

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học trong bài để trả lời các câu hỏi ôn tập (SGK, tr. 28).

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS về các bài tập ôn tập đã thực hiện ở nhà.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM												
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HD nhóm</p> <p>Hoàn thành các câu hỏi ôn tập.</p> <p>Nhóm 1. Câu 1/ SGK trang 28: sắp xếp các văn bản đã học trong bài này theo lịch sử/ tiến trình văn học.</p> <p>Nhóm 2. Câu 2/ SGK trang 28: Các tác giả dưới đây sáng tác theo phong cách nào? Hãy ghi vài nét ngắn gọn về phong cách sáng tác của họ.</p> <p>Nhóm 3. Câu 3/ SGK trang 28: Phân tích đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng thể hiện qua đoạn trích sau: <i>Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu, Hỏi ngày về ước nẻo quyên ca, Nay quyên đã giục oanh già, Ý nhi lại gáy trước nhà líu lo.</i></p> <p>Nhóm 4. Câu 4/ SGK trang 28: hãy rút ra những điểm cần lưu ý khi:</p> <ol style="list-style-type: none"> Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ trữ tình. Trình bày bài nói: so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. <p>Nhóm 5. Câu 5/ SGK trang 28: Qua các văn bản Hoàng Hạc lâu (Thôi Hiệu), Tràng giang (Huy Cận), Tiếng</p>	<p>Câu 1: Sắp xếp các văn bản theo trình tự:</p>  <p>Câu 2:</p> <table border="1" data-bbox="760 569 1425 1877"> <thead> <tr> <th>Tác giả</th> <th>Phong cách cổ điển</th> <th>Phong cách lãng mạn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thôi Hiệu</td> <td>Phong cách cổ điển, tuân thủ chặt chẽ những quy phạm của thơ ca cổ điển trên các phương diện: thi luật, đề tài, cảm hứng, nguyên tắc tổ chức từ ngữ, hình ảnh,...</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Huy Cận</td> <td></td> <td>Phong cách thơ lãng mạn, có sự kết hợp tinh tế giữa chất cổ điển và hiện đại.</td> </tr> <tr> <td>Lưu Trọng Lu</td> <td></td> <td>Phong cách thơ lãng mạn, đề cao cảm xúc và cảm nhận thể giới qua “cái tôi” trữ</td> </tr> </tbody> </table>	Tác giả	Phong cách cổ điển	Phong cách lãng mạn	Thôi Hiệu	Phong cách cổ điển, tuân thủ chặt chẽ những quy phạm của thơ ca cổ điển trên các phương diện: thi luật, đề tài, cảm hứng, nguyên tắc tổ chức từ ngữ, hình ảnh,...		Huy Cận		Phong cách thơ lãng mạn, có sự kết hợp tinh tế giữa chất cổ điển và hiện đại.	Lưu Trọng Lu		Phong cách thơ lãng mạn, đề cao cảm xúc và cảm nhận thể giới qua “cái tôi” trữ
Tác giả	Phong cách cổ điển	Phong cách lãng mạn											
Thôi Hiệu	Phong cách cổ điển, tuân thủ chặt chẽ những quy phạm của thơ ca cổ điển trên các phương diện: thi luật, đề tài, cảm hứng, nguyên tắc tổ chức từ ngữ, hình ảnh,...												
Huy Cận		Phong cách thơ lãng mạn, có sự kết hợp tinh tế giữa chất cổ điển và hiện đại.											
Lưu Trọng Lu		Phong cách thơ lãng mạn, đề cao cảm xúc và cảm nhận thể giới qua “cái tôi” trữ											

thu (Lưu Trọng Lư), bạn có nhận xét gì về cách cảm nhận và tái hiện cuộc sống của tác giả?

- HS nhận nhiệm vụ.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi thảo luận hoàn thiện câu trả lời.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện nhóm trình bày;

- Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slide).

B4: Kết luận, nhận định (GV):

- Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm).

		tình đầy bay bổng.
--	--	--------------------

Câu 3: Phân tích đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng thể hiện qua đoạn trích:

Đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng	Ngữ liệu
Ngôn ngữ trang trọng (tao nhã, mang tính ước lệ, tượng trưng)	<i>thuở lâm hành, oanh chưa bén liểu, ước mang tính ước lệ, quyên ca, quyên đã giục oanh già, ý nhi lại gáy trước nhà liú lo</i>
Không dùng tiếng lóng, khẩu ngữ	Ngữ liệu không có tiếng lóng, khẩu ngữ.

Lưu ý:

– *lâm hành*: lúc lên đường

– *oanh chưa bén liểu*: ý nói chưa đến mùa xuân vì lúc đó chim oanh chưa đến hót ở cây liểu.

– *ước nẻo quyên ca*: ý nói khoảng mùa hè vì chim quyên thường kêu về mùa hè.

– *ý nhi*: chim én hay hót vào tiết thu.

Câu 4: HS trả lời dựa trên trải nghiệm cá nhân.

a. Phần viết:

-Chỉ ra điểm tương đồng, khác biệt giữa hai bài thơ.

-Kết hợp so sánh với nhận xét, đánh giá hai tác phẩm. Phân tích chi rõ điểm tương đồng khác

biệt .-Sử dụng lí lẽ, bằng chứng xác đáng, sắp xếp theo trình tự hợp lí.

-Đảm bảo bố cục 3 phần, đúng yêu cầu của từng phần.

b. Phần nói và nghe:

-Xác định đề tài, đọc kĩ hai tác phẩm, đặt câu hỏi tìm ý, lập dàn ý

-Đối chiếu dàn ý bài nói với bảng kiểm để luyện tập cách trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

-Kết hợp sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

-Lựa chọn cách mở bài, kết thúc hấp dẫn, ấn tượng.

-Kết hợp giọng điệu, cử chỉ, nét mặt...

Câu 5: Cách cảm nhận, tái hiện thế giới và con người của các tác giả khác nhau vì: Họ sáng tác ở những thời đại khác nhau, phong cách sáng tác khác nhau, cách cảm nhận và thể hiện cảm xúc cũng không giống nhau. Chính điều này đã tạo nên những sắc điệu phong phú của thi ca.

2. Hoạt động trình bày kết quả từ đọc đến viết

a. **Mục tiêu:** Trình bày kết quả thực hiện bài tập Từ đọc đến viết.

b. **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức viết đoạn văn theo yêu cầu, trình bày kết quả.

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hiện bài tập của HS, phần trình bày của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):	

<p>Hoạt động nhóm (cặp đôi chia sẻ)</p> <p>Nhóm 2 HS trao đổi bài tập <i>Từ đọc đến viết</i> với bạn cùng nhóm.</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS xem lại phần bài tập đã thực hiện, chỉnh sửa, bổ sung (nếu có), sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm đôi để nhận xét, góp ý.</p> <p>B3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>HS – HS trình bày bài tập. Các HS khác nhận xét.</p> <p>B4: GV nhận xét, kết luận về đoạn văn của HS dựa trên định hướng sau:</p>	
Hình thức	Đảm bảo yêu cầu về hình thức của một đoạn văn.
Dung lượng	Khoảng 200 chữ.
Đề tài	Chia sẻ cảm nhận về nét độc đáo của một bài thơ được viết theo phong cách cổ điển hoặc lãng mạn mà bạn yêu thích.
Yêu cầu	– Sử dụng ngôn ngữ trang trọng. – Diễn đạt mạch lạc; có sự liên kết về mặt nội dung và hình thức; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về *Bài 1: Những sắc điệu thi ca*
- b. Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.
- c. Sản phẩm học tập:** Những kiến thức HS đã học được trong *Bài 1* và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* <i>Hình thức:</i> thảo luận.	

* *Kỹ thuật*: đặt câu hỏi.

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học được ở **Bài 1**.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp:

Nhóm 1, 2: Theo bạn, việc nắm vững các đặc điểm của phong cách sáng tác cổ điển, lãng mạn có tác dụng gì trong việc đọc - hiểu tác phẩm thơ trữ tình?

Nhóm 3,4: Bạn hãy ghi lại những cách mở bài, kết bài ấn tượng mà bản thân và các bạn đã thực hiện khi viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ trữ tình.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 - 2 HS lên bảng nói trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe.

- GV cho cả lớp tiến hành đánh giá bằng bảng kiểm.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

Nhóm 1, 2:

- Giúp ta biết được tác phẩm thơ được đọc hiểu nằm trong giai đoạn nào của tiến trình lịch sử của văn học.

- Đủ kiến thức kỹ năng để đọc hiểu được văn bản.

- Phân biệt được phong cách sáng tác của các bài thơ trữ tình.

- Thấy được sự phong phú, đa dạng sắc màu của thơ ca Việt Nam trong suốt lịch sử phát triển của văn học dân tộc.

Nhóm 3,4: Những cách mở bài, kết bài ấn tượng mà bản thân và các bạn đã thực hiện khi viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ trữ tình.

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS.	
----------------------------------------	--

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về *Bài 1: Những sắc màu thi ca*
- b. Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.
- c. Sản phẩm học tập:** Những kiến thức HS đã học được trong *Bài 1* và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* <i>Hình thức:</i> cá nhân.</p> <p>* <i>Kỹ thuật:</i> đặt câu hỏi.</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống hóa kiến thức đặc điểm của phong cách sáng tác cổ điển và lãng mạn.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS lắng nghe, về nhà vẽ sơ đồ tư duy hệ thống hóa kiến thức.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS thực hiện ở tiết học sau.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá buổi học.</p>	